

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á

CHÍNH SÁCH TRUYỀN THÔNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á Công bố và trao đổi thông tin

Tháng 3 năm 2005

Do Ngân hàng Phát triển Châu Á xuất bản, tháng 6 năm 2005.

Đây là bản in chính sách chính thức do Ban Giám đốc Ngân hàng Phát triển Châu Á thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2005, kèm theo 1 số sửa đổi được thông qua ngày 9 tháng 4 năm 2007.

© 2006 Asian Development Bank

All rights reserved.

Printed in Viet Nam.

Publication Stock No. 01222050

The views expressed in this book are those of the authors and do not necessarily reflect the views and policies of the Asian Development Bank or its Board of Governors or the governments they represent.

The Asian Development Bank does not guarantee the accuracy of the data included in this publication and accepts no responsibility for any consequence of their use.

Use of the term “country” does not imply any judgment by the authors or the Asian Development Bank as to the legal or other status of any territorial entity.

Originally published in English as Public Communications Policy
Copyright 2006 Asian Development Bank.

The Asian Development Bank gratefully acknowledges the contribution of Ms. Pham Thi Ngoc Bich to the translation of this book.

VIẾT TẮT

ADB	-	Ngân hàng Phát triển Châu Á
ADF	-	Quỹ Phát triển Châu Á
AfDB	-	Ngân hàng Phát triển Châu Phi
CRP	-	Ban đánh giá tính tuân thủ
CSP	-	Chương trình và chiến lược quốc gia
CSPU	-	Chương trình và chiến lược quốc gia cập nhật
DEC	-	Ủy ban về tính hiệu quả của Phát triển
EBRD	-	Ngân hàng tái thiết và phát triển châu Âu
EIB	-	Ngân hàng đầu tư châu Âu
EU	-	Liên minh châu Âu
IBRD	-	Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế
IDB	-	Ngân hàng phát triển liên châu Mỹ
IFC	-	Công ty tài chính quốc tế
IMF	-	Quỹ tiền tệ quốc tế
MDB	-	Ngân hàng phát triển đa phương
MIGA	-	Cơ quan bảo lãnh đầu tư đa phương
NGO	-	Tổ chức phi chính phủ
OER	-	Văn phòng quan hệ đối ngoại
PDAC	-	Ban tư vấn về công bố công khai
PID	-	Tài liệu thông tin dự án/chương trình
RCSP	-	Chiến lược và chương trình hợp tác khu vực
RCSPU	-	Chiến lược và chương trình hợp tác khu vực cập nhật
RRP	-	Báo cáo và kiến nghị của Chủ tịch
SPF	-	Hướng dẫn viên các Dự án đặc biệt
UNDP	-	Chương trình phát triển liên hợp quốc

ĐỊNH NGHĨA

“người bị ảnh hưởng” nghĩa là những người có thể được hưởng lợi hoặc bị tác động tiêu cực bởi một dự án hoặc chương trình do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) hỗ trợ.

“thẩm định” (i) đối với các dự án hoặc chương trình công, nghĩa là đoàn thẩm định hoặc trong trường hợp được miễn đoàn thẩm định thì đó là cuộc họp xem xét của Ban quản lý phê duyệt việc miễn đoàn thẩm định đó, và (ii) đối với các dự án của khu vực tư nhân, đó là đoàn công tác sau khi Ban tín dụng khu vực tư nhân xem xét dự án.

“sẵn sàng cấp cho những người bị ảnh hưởng” nghĩa là sẵn sàng dưới hình thức, cách thức và ngôn ngữ phù hợp và tại địa điểm có khả năng tiếp cận, dễ hiểu đối với người bị ảnh hưởng.

“Ban Giám đốc”, trừ khi được quy định khác đi, là nói đến Ban Giám đốc điều hành của ADB.

“hoàn thành” một tài liệu nghĩa là soạn thảo tới mức đáp ứng được các yêu cầu của vụ thuộc ADB chịu trách nhiệm soạn thảo tài liệu đó.

“thông tin mật về công việc” có nghĩa là những thông tin được điều chỉnh bởi một hiệp định về bảo mật hoặc hiệp định không công bố mà ADB ký với khách hàng, tư vấn, cố vấn và các bên liên quan khác.

“báo cáo cuối cùng” nghĩa là một báo cáo (i) được chính thức trình lên ADB với tư cách là báo cáo cuối cùng; (ii) ADB xác định là đủ chất lượng để sử dụng cho việc chuẩn bị một dự án hoặc một chương trình do ADB hỗ trợ; và (iii) sẽ không cần thay đổi nữa.

“thông tin lịch sử” nghĩa là những thông tin liên quan tới các dự án chương trình do ADB hỗ trợ, chính sách và các hoạt động chung không còn “hoạt động” nữa.

“công bố công khai” nghĩa là có trên trang tin điện tử (website) của ADB.¹

“kế hoạch tái định cư” nghĩa là bất kỳ kế hoạch tái định cư đầy đủ hoặc tóm lược nào được xây dựng theo Chính sách tái định cư không tự nguyện được sửa đổi theo thời gian của ADB và theo phần F2/OP trong Sổ tay hoạt động về tái định cư không tự nguyện.

“khung tái định cư” nghĩa là bất kỳ khuôn khổ tái định cư nào được xây dựng theo phần F2/OP trong Sổ tay hoạt động về tái định cư không tự nguyện.

¹ Chính sách này cũng đòi hỏi phải có những phương tiện khác để công bố hoặc phổ biến thông tin tùy theo người nhận hoặc người sử dụng dự kiến cũng như mục đích công bố thông tin (ví dụ, thông tin hỗ trợ cho quá trình tham vấn, thông tin mà người bị ảnh hưởng hoặc các bên hữu quan khác ở địa phương tìm kiếm hoặc thông tin phục vụ công chúng nói chung). Những thông tin này sẽ được quy định riêng và không đưa vào định nghĩa về công bố công khai.

“Các đánh giá chiến lược và chương trình” bao hàm những phân tích về đói nghèo, phân tích kinh tế, các phân tích về giới, quản trị nhà nước, môi trường và phân tích theo chuyên đề khu vực tư nhân và đánh giá ngành để chuẩn bị cho một chiến lược hoặc chương trình. Nó cũng bao gồm cả những thông tin cập nhật cho những bản đánh giá đó.

“chiến lược và chương trình” hoặc “các chiến lược và các chương trình” nghĩa là bất kỳ chiến lược và chương trình quốc gia, chiến lược và chương trình cập nhật hoặc chiến lược và chương trình hợp tác khu vực cập nhật nào được chuẩn bị cho bất kỳ một nước thành viên đang phát triển hoặc khu vực nào.

“ngay sau khi” phê duyệt, lưu hành, hoàn thành, thông qua, thảo luận, ban hành hoặc trình nghĩa là ngay lập tức và không quá 2 tuần (14 ngày) sau ngày phê duyệt, lưu hành, hoàn thành, thông qua, thảo luận, ban hành hoặc trình.

CHÚ THÍCH

Trong báo cáo này, “\$” có nghĩa là USD.

Chính sách truyền thông sử dụng thời tương lai (“sẽ”) để nêu ý định thực hiện những nhiệm vụ và hoạt động nhất định của ADB và thời tương lai bắt buộc “phải” để chỉ những nghĩa vụ đánh giá phải tuân thủ.

MỤC LỤC

	Trang
Tóm tắt	i
I. MỞ ĐẦU	1
II. TRUYỀN THÔNG VÀ TÍNH HIỆU QUẢ CỦA PHÁT TRIỂN	2
III. KINH NGHIỆM TRUYỀN THÔNG CỦA ADB	3
A. Thực hiện <i>Chính sách thông tin</i>	3
1. Những đặc điểm chủ yếu của <i>Chính sách thông tin</i>	3
2. Đánh giá thực hiện	3
B. Thực hiện <i>Chính sách công bố</i>	4
1. Những đặc điểm chủ yếu của <i>Chính sách công bố</i>	4
2. Đánh giá thực hiện	5
C. Kết luận	6
IV. CHÍNH SÁCH TRUYỀN THÔNG	6
V. CHIẾN LƯỢC	7
A. Quan hệ đối ngoại	8
1. Điều kiện tiên quyết	8
2. Lãnh đạo và động lực	8
3. Các đối tượng mục tiêu	8
4. Cách tiếp cận để đến với đối tượng mục tiêu	9
5. Các nhà truyền thông chính	10
B. Công bố thông tin	10
1. Dịch thuật	10
2. Thông tin liên quan đến hoạt động của ADB	11
3. Những thông tin khác	18
4. Những ngoại lệ của quy định công bố	21
VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	24
A. Vai trò và trách nhiệm	24
1. Ban Điều hành	24
2. Toàn bộ các vụ và văn phòng	25
3. Văn phòng Quan hệ Đối ngoại	25
4. Các văn phòng đại diện và các cơ quan đại diện thường trú	26
5. Bên vay và các nhà tài trợ dự án tư nhân	27
6. Ban tư vấn về công bố công khai	27
B. Các trình tự tiếp cận thông tin	27
1. Công bố chủ động	27
2. Các đề nghị đối với thông tin ngoại lệ	28
3. Ngôn ngữ sử dụng trong đề nghị cung cấp thông tin	28
4. Thời hạn trả lời đề nghị cung cấp thông tin hiện hành	28
5. Khiếu nại	28
6. Các đề nghị cung cấp thông tin lịch sử	29
C. Ngày có hiệu lực và giai đoạn chuyển đổi	29
D. Theo dõi và đánh giá	29

MỤC LỤC

E.	Đánh giá và sửa đổi	29
VII.	TÁC ĐỘNG TỚI NHÂN SỰ VÀ NGUỒN LỰC	30
A.	Quan hệ đối ngoại	30
B.	Công bố thông tin	30
VIII.	ĐÁNH GIÁ TÍNH TUÂN THỦ	31
IX.	KIẾN NGHỊ	31
	PHỤ LỤC 1	32
	CÁC XU HƯỚNG TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI CÁC NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN ĐA PHƯƠNG KHÁC	32
A.	Quan hệ đối ngoại tại các ngân hàng phát triển đa phương khác	32
B.	Công bố thông tin tại các ngân hàng phát triển đa phương khác	32
	PHỤ LỤC 2	38
	KHUNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	38

PHỤ LỤC BỔ SUNG (cấp theo yêu cầu)

Quá trình tham vấn bên ngoài và kết quả

TÓM TẮT

Để hoạt động có hiệu quả, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) phải làm việc với rất nhiều cá nhân và tổ chức khác nhau. Muốn tạo dựng được những quan hệ đối tác mạnh mẽ và hiệu quả, ADB phải được nhiều người biết đến, động cơ và mục tiêu của ADB phải rõ ràng và dễ hiểu và ADB phải được nhìn nhận như một tổ chức mang tính chuyên nghiệp, định hướng vào kết quả và mang tính thực tế. Để có được lòng tin và sự ủng hộ cho quá trình phát triển có sự tham gia, ADB phải chứng tỏ sự cởi mở và trách nhiệm bằng việc chia sẻ thông tin và nhận thông tin phản hồi từ tất cả những đối tượng liên quan của mình. ADB cũng phải đáp ứng được những đề nghị cung cấp thông tin từ các bên hữu quan.

Mối quan hệ đối ngoại và công bố thông tin hiệu quả - nghĩa là truyền thông rộng rãi và chủ động hơn – là những yếu tố trọng tâm để xây dựng các mối quan hệ đối tác đó.

Trong thập kỷ qua, một xu hướng rõ ràng trên toàn cầu là hướng tới sự cởi mở hơn và khả năng tiếp cận lớn hơn đối với thông tin và hiện nay người ta đã thừa nhận một cách rộng rãi rằng chia sẻ thông tin là vấn đề cốt lõi đối với quá trình phát triển có sự tham gia. Xu thế hướng tới sự minh bạch này kết hợp với cuộc cách mạng thông tin trên toàn cầu đã làm tăng kỳ vọng của công chúng về loại hình, phạm vi và việc phổ biến thông tin của các cơ quan tổ chức trong khu vực công, khu vực tư nhân và phi lợi nhuận. ADB phải thích ứng với thời đại mới của sự cởi mở ngày càng lớn này để theo kịp với các tổ chức tương tự, các thông lệ của nhiều chính phủ và khu vực tư nhân tại các nước thành viên và kỳ vọng của công chúng.

Chính sách truyền thông của ADB (Chính sách) tạo ra một khuôn khổ giúp ADB truyền thông một cách có hiệu quả hơn. Chính sách này thay thế cho hai chính sách được thông qua vào năm 1994: *Chính sách và Chiến lược Thông tin* và *Chính sách Bảo mật và Công bố Thông tin*. Chính sách này mở rộng phạm vi và loại hình thông tin mà ADB công bố công khai.

Chính sách nhằm tăng thêm niềm tin của các bên hữu quan đối với và khả năng tham gia cùng với ADB. Để đảm bảo các hoạt động của ADB có tác động lớn hơn tới phát triển, Chính sách này tăng cường:

- nhận thức và sự hiểu biết về các hoạt động, chính sách, chiến lược, mục tiêu và kết quả của ADB;
- chia sẻ và trao đổi những kiến thức và bài học phát triển nhằm cung cấp những triển vọng mới mẻ và mang tính đổi mới về những vấn đề phát triển;
- luồng thông tin hai chiều lớn hơn giữa ADB và các bên hữu quan của mình, bao gồm cả những người bị ảnh hưởng bởi dự án để thúc đẩy quá trình phát triển có sự tham gia; và
- tính minh bạch và trách nhiệm trong các hoạt động của ADB.

Để đạt được những mục tiêu này, ADB sẽ chia sẻ những tri thức và thông tin về công việc của mình với các bên hữu quan và công chúng nói chung. Trong những trường hợp không vì lý do bảo mật, ADB sẽ quy định là thông tin có thể được công bố. Chính sách sẽ bảo đảm

rằng ADB không công bố thông tin một cách có chọn lọc; mọi người đều có cơ hội tiếp cận bình đẳng với những thông tin mà ADB công bố công khai theo quy định của Chính sách này.

Nâng cao nhận thức và sự hiểu biết về ADB

ADB chịu sức ép ngày càng tăng nhằm ứng phó với một số trong những thách thức lớn nhất của thời đại chúng ta, bao gồm đói nghèo, mất an ninh toàn cầu, sự bền vững về môi trường và sự bất ổn định về kinh tế. Sự năng động của khu vực châu Á và Thái Bình Dương đang tạo ra những thay đổi tại những nước mà ADB làm việc với những kết quả mang tính toàn cầu. Do vậy, chính phủ các nước, giới doanh nghiệp và xã hội dân sự đang ngày càng đòi hỏi ADB phải cung cấp nhiều hơn những kiến thức chuyên môn và sự hiểu biết sâu sắc của mình để ứng phó với những thách thức trong quá trình phát triển của khu vực.

ADB phải tăng cường vai trò đi đầu về mặt tri thức và truyền thông các tri thức cơ bản của mình về khu vực một cách hiệu quả hơn. Chính phủ các nước thành viên, các nhà báo, các tổ chức xã hội dân sự và cán bộ của ADB đã chỉ rõ rằng ADB cần phải lên tiếng và lắng nghe về những vấn đề kinh tế và xã hội mà khu vực đông dân nhất thế giới này đang phải đối mặt.

Chính sách đã giải quyết được những mối quan tâm đó bằng việc đưa ra các cơ chế thể chế truyền thông chủ động hơn về các hoạt động của ADB, phổ biến rộng rãi hơn những thông tin về ADB và khả năng tiếp cận tốt hơn tới những thông tin về hoạt động của ADB.

Thông qua Chính sách này, ADB tìm cách nâng cao sự hiểu biết của các nước thành viên, các tổ chức xã hội dân sự, giới doanh nghiệp, cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan nghiên cứu, các đối tác phát triển và công chúng nói chung về vai trò của ADB trong công cuộc giảm nghèo tại châu Á và Thái Bình Dương.

Chia sẻ tri thức phát triển và kết quả

ADB có trách nhiệm cung cấp cho công chúng một bức tranh rõ ràng và cân đối về công việc của mình. Hơn nữa, vì hiện nay ADB đã hoàn toàn tán thành cách tiếp cận quản lý dựa trên kết quả trong việc hỗ trợ các nước và giúp đỡ các nước thành viên của mình đạt được Mục tiêu thiên niên kỷ, nên ADB cũng có trách nhiệm lớn hơn đối với công chúng trong việc báo cáo về những kết quả này.

Với sự cạnh tranh ngày càng tăng đối với các nguồn lực có hạn của các nhà tài trợ, sự giám sát của công chúng đối với tính hiệu quả của các chương trình phát triển ngày càng lớn hơn. ADB đã tiến hành nhiều nghiên cứu có giá trị và những kết quả nghiên cứu đó và sự hiểu biết sâu sắc của họ phải được phổ biến rộng rãi.

Chính sách đã đáp ứng được những thách thức đó. Với nỗ lực cải thiện kết quả hoạt động thông qua học hỏi từ kinh nghiệm, Chính sách cho phép ADB báo cáo cả những thất bại và sự thất vọng cũng như những thành công. Không được che giấu thông tin chỉ vì đó là thông tin tiêu cực. Sự cởi mở này sẽ khuyến khích đối thoại mang tính xây dựng về các chính

sách và hoạt động. Với tư cách là một tổ chức công, ADB cần phải có trách nhiệm với công chúng.

Tăng cường truyền thông

Để bảo đảm tính hiệu quả của phát triển, ADB phải mở rộng các cơ hội cho những người bị ảnh hưởng bởi những hoạt động hỗ trợ của ADB có thông tin về những tác động và quyết định ảnh hưởng tới cuộc sống của họ. Để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho sự tham gia của cấp cộng đồng vào quá trình ra quyết định, ADB, Chính phủ các nước thành viên và những nhà tài trợ cho dự án của khu vực tư nhân cần thông qua các quy trình để cấp thông tin cho các bên hữu quan và cho phép họ cung cấp thông tin phản hồi.

Sự thành công của các dự án thường phụ thuộc vào việc tạo dựng lòng tin với nhân dân, cộng đồng và các tổ chức; giải thích rõ mục tiêu của dự án, tiếp nhận ý kiến đóng góp của địa phương; và bảo đảm cam kết về cuộc sống của nhân dân trong các vùng dự án. Muốn tăng cường mối liên kết của mình với những người hưởng lợi của dự án và những người bị ảnh hưởng khác, ADB phải cải thiện các chính sách, thông lệ truyền thông và năng lực của mình.

Chính sách ủng hộ quyền tìm kiếm, nhận và chia sẻ thông tin và ý tưởng của mọi người về các hoạt động hỗ trợ của ADB. Thông qua Chính sách, ADB tìm cách cung cấp thông tin một cách kịp thời, rõ ràng và phù hợp và chia sẻ thông tin với những người bị ảnh hưởng một cách đủ sớm để họ có thể đưa ra ý kiến đóng góp thiết thực cho thiết kế dự án.

Tăng cường tính minh bạch

ADB nhận thấy rằng tính minh bạch không chỉ giúp tăng cường tính hiệu quả của phát triển mà còn tăng niềm tin của công chúng đối với tổ chức này. ADB tìm cách để trở thành một hình mẫu tích cực về tính minh bạch và hành động phù hợp với những tư vấn của mình về các vấn đề minh bạch cho các nước thành viên.

ADB cũng hiểu rằng vì những lý do về mặt pháp lý và thực tế nên không phải lúc nào thông tin cũng có thể được công bố đầy đủ. Ví dụ, ADB cần thăm dò ý kiến, chia sẻ thông tin và tổ chức các buổi thảo luận thẳng thắn trong nội bộ và với những thành viên của mình, và để làm như vậy ADB phải bảo đảm sự riêng tư cho cán bộ của mình và bảo vệ những thông tin mật về công việc của các nhà tài trợ dự án tư nhân và khách hàng. Tuy nhiên, những trường hợp ngoại lệ là sẽ chỉ là hãn hữu.

Thực hiện Chính sách

Chính sách bao gồm một chiến lược mà ADB sẽ sử dụng để thực hiện các nguyên tắc chung của mình. Chiến lược này mô tả những cách tiếp cận mà ADB sử dụng để làm cho quan hệ đối ngoại của mình mang tính chủ động hơn và để cải thiện khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động của ADB. Chiến lược này mô tả phạm vi phổ biến thông tin, chia sẻ thông tin và tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên hữu quan; các đối tượng chính mà ADB muốn hướng tới; dịch thuật; và vai trò của những người có trách nhiệm thực thi Chính sách.

ADB sẽ củng cố và cải tiến các cách tiếp cận quan hệ đối ngoại của mình bằng cách xác định một chiến lược với trọng tâm đặt vào quan hệ đối ngoại. ADB sẽ đưa ra những quan điểm rõ ràng về những vấn đề quan trọng của các thành viên, cải tiến các sản phẩm thông tin của mình để giải thích cho các quan điểm đó và phổ biến các sản phẩm đó một cách rộng rãi hơn. Để làm rõ tầm quan trọng của quan hệ đối ngoại bên trong tổ chức, ADB sẽ sắp xếp lại tổ chức và điều chỉnh kỹ năng cán bộ của mình cho phù hợp.

Để bảo đảm hơn nữa tính minh bạch, ADB đang mở rộng phạm vi tài liệu công bố công khai, bao gồm cả hoạt động của mình trong khu vực công và khu vực tư nhân. Chiến lược này mô tả các tài liệu cụ thể và những thông tin khác do ADB đưa ra, nêu rõ tài liệu nào sẽ được công bố công khai và liệt kê những ngoại lệ.

Để hỗ trợ cho sự phát triển có sự tham gia, ADB sẽ cung cấp thông tin cho những người bị ảnh hưởng bởi các dự án. Chiến lược mô tả cách cán bộ ADB bảo đảm rằng những ý kiến bình luận, tư vấn, phê bình và thông tin phản hồi khác về công việc của ADB sẽ được xem xét một cách đầy đủ. Chiến lược cũng giải thích cách ADB truyền thông một cách rõ ràng ý kiến của mình đối với thông tin phản hồi tới các bên liên quan đã cung cấp những thông tin đó.

Một Ban Tư vấn về công bố công khai sẽ chịu trách nhiệm giải thích, theo dõi và xem xét các yêu cầu công bố của Chính sách. Văn phòng Đối ngoại của ADB (OER) sẽ là đầu mối đối với tất cả các hoạt động thông tin công khai và sẽ chịu trách nhiệm thực hiện và không ngừng áp dụng Chính sách này. OER sẽ tiến hành đào tạo về Chính sách. Một đơn vị mới về thông tin công khai và công bố thông tin trong OER sẽ theo dõi các yêu cầu công bố của Chính sách, giúp đỡ các vụ chức năng xây dựng kế hoạch truyền thông, tạo dựng một mạng lưới các trung tâm thông tin công khai và thiết lập một khuôn khổ dịch thuật.

Chính sách là bước đi đầu tiên hướng tới việc nâng cao nhận thức và hiểu biết về ADB và những thách thức của quá trình phát triển trong khu vực. Mục đích của ADB là cung cấp cho công chúng một bức tranh rõ ràng và cân đối về công việc và kết quả của mình ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương. Thông qua việc phổ biến tri thức một cách hiệu quả, ADB có thể đạt được tính hiệu quả lớn hơn.

CHÍNH SÁCH TRUYỀN THÔNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á

Công bố và trao đổi thông tin

I. MỞ ĐẦU

1. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tham gia vào một trong những nỗ lực lớn của thời đại chúng ta - chống đói nghèo. Hoạt động ADB tại khu vực mà ở đó có gần 700 triệu người sống với mức dưới 1 \$/ngày và gần 1,9 tỉ người – hơn ¼ dân số thế giới - sống với mức dưới 2\$ mỗi ngày.

2. ADB làm việc để giảm đói nghèo theo hai cách chủ yếu.¹ ADB cung cấp hỗ trợ tài chính cho các dự án và chương trình cụ thể để giảm nghèo và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ADB cung cấp cho Chính phủ các nước thành viên những ý tưởng và kiến thức chuyên sâu khi họ xây dựng chính sách và thể chế nhằm giúp cải thiện cuộc sống của nhân dân.

3. Để hoạt động có hiệu quả, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) phải làm việc với rất nhiều người và tổ chức khác nhau. Muốn tạo dựng được những quan hệ đối tác mạnh mẽ và hiệu quả, ADB phải được nhiều người biết đến, động cơ và mục tiêu của ADB phải rõ ràng và dễ hiểu và ADB phải được nhìn nhận như một tổ chức mang tính chuyên nghiệp, định hướng vào kết quả và mang tính thực tế. Để có được lòng tin và sự ủng hộ cho quá trình phát triển có sự tham gia, ADB phải chứng tỏ sự cởi mở và trách nhiệm bằng việc chia sẻ thông tin và nhận thông tin phản hồi từ tất cả những bên hữu quan của mình.² ADB cũng phải đáp ứng được những đề nghị cung cấp thông tin từ các bên hữu quan của mình nữa.

4. Mọi quan hệ đối ngoại và công bố thông tin hiệu quả - nghĩa là truyền thông rộng rãi và chủ động hơn – là những yếu tố trọng tâm để xây dựng các mối quan hệ đối tác đó. ADB đã thừa nhận điều này trong *Khuôn khổ chiến lược dài hạn (2001-2015)*³ và khuôn khổ quản lý tri thức⁴ của mình.

5. Trong thập kỷ qua, một xu hướng rõ ràng trên toàn cầu là hướng tới sự cởi mở hơn và khả năng tiếp cận lớn hơn đối với thông tin⁵ và hiện nay người ta đã thừa nhận một cách rộng rãi rằng chia sẻ thông tin là vấn đề cốt lõi đối với quá trình phát triển có sự tham gia. Xu thế hướng tới sự minh bạch này kết hợp với cuộc cách mạng thông tin trên toàn cầu đã làm tăng kỳ vọng của công chúng về loại hình, phạm vi và việc phổ biến thông tin của các cơ quan tổ chức trong khu vực công, khu vực tư nhân và phi lợi nhuận. ADB phải thích ứng với thời đại mới của sự cởi mở ngày càng lớn này để theo kịp với các tổ chức tương tự,⁶ các thông lệ của nhiều chính phủ và khu vực tư nhân tại các nước thành viên và kỳ vọng của công chúng.

¹ ADB. 1999. *Chống đói nghèo ở châu Á và Thái Bình Dương: Chiến lược giảm nghèo*. Manila. Xem thêm ADB. 2004. *Đánh giá về chiến lược giảm nghèo của Ngân hàng Phát triển Châu Á*. Manila.

² “Các bên hữu quan” là những người, nhóm người hoặc tổ chức có thể bị ảnh hưởng bởi, có thể có tác động lớn hoặc có tầm quan trọng đối với việc đạt được mục tiêu dự kiến của một sáng kiến phát triển.

³ ADB. 2000. *Khuôn khổ chiến lược dài hạn của Ngân hàng Phát triển Châu Á (2001-2015)*. Manila.

⁴ ADB. 2004. *Quản lý tri thức trong ADB*. Manila.

⁵ Tầm quan trọng của quyền được tiếp cận thông tin đã được công nhận trên thế giới trên 50 năm qua. Đại Hội đồng Liên hợp quốc đã ra nghị quyết năm 1946 rằng “Tự do thông tin là quyền cơ bản của con người và là chuẩn mực của tất cả quyền tự do mà Liên hợp quốc theo đuổi”. Quyền đối với thông tin từ các cơ quan công đã được thừa nhận trong các hiến pháp và đề cập trong các luật thông tin của hàng chục quốc gia và được quy định tại Điều 19 của Hiệp ước quốc tế về dân quyền và quyền chính trị, đã được phần lớn các nước thành viên ADB ký. (xem chi tiết thêm tại: <http://www.unhchr.ch/pdf/report.pdf>).

⁶ Có thể xem bài thảo luận về các xu hướng truyền thông và công bố thông tin của các ngân hàng phát triển đa phương khác trong Phụ lục 1.

6. Do những chính sách hiện tại của ADB trong lĩnh vực này⁷ được soạn thảo từ giữa những năm 90, nên cần được cập nhật. Vào tháng 5 năm 2003, Chủ tịch ADB đã bổ nhiệm một ban chỉ đạo do Chánh văn phòng, Văn phòng quan hệ đối ngoại (OER), làm chủ tịch để xem xét lại *Chính sách bảo mật và công bố thông tin (Chính sách công bố)* và *Chiến lược và Chính sách thông tin (Chính sách thông tin)* và tham vấn các bên hữu quan trong khu vực công, khu vực tư nhân và khu vực phi lợi nhuận về việc xây dựng một chính sách mới thống nhất.

7. Ngoài việc thu thập những ý kiến bình luận bằng văn bản, ADB đã tổ chức 15 cuộc tham vấn ở một số nước thành viên để lắng nghe quan điểm của nhiều bên quan tâm trong và ngoài khu vực. Tổng cộng đã có trên 430 người tham gia các buổi hội thảo và cầu truyền hình. Khoảng ¼ số người tham gia hội thảo là cán bộ nhà nước. Xem chi tiết về quá trình xem xét và tóm tắt ý kiến bên ngoài trong Phụ lục bổ sung (cấp theo yêu cầu).

8. Tài liệu này báo cáo kết quả xem xét và trình bày chính sách mới của ADB về truyền thông tới công chúng. Chính sách này sẽ thay thế những chính sách hiện có.

II. TRUYỀN THÔNG VÀ TÍNH HIỆU QUẢ CỦA PHÁT TRIỂN

9. Quan hệ đối ngoại hiệu quả (Hộp 1) nhằm làm cho ADB được nhiều người biết đến, hiểu và tôn trọng sẽ hỗ trợ cho tính hiệu quả trong phát triển của ADB trong nhiều lĩnh vực.

Các bên hữu quan của ADB cần được bảo đảm chắc chắn rằng ADB đang đóng vai trò có hiệu quả trong phát triển và vai trò đó được giới khoa học, xã hội dân sự và thông tin đại chúng - những người và tổ chức có ảnh hưởng tới công chúng rộng lớn tại đất nước họ - thừa nhận. Tại các nước thành viên đang phát triển, các chính sách và thông lệ của ADB sẽ nhận được sự ủng hộ lớn hơn nếu các chuyên gia phát triển, cơ quan thông tin đại chúng và xã hội dân sự hiểu rõ hơn về chúng.

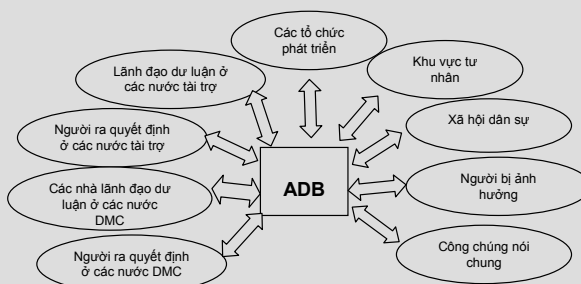
10. Ở các nước tài trợ, sự cạnh tranh đối với nguồn vốn hạn hẹp trong ngân sách hỗ trợ phát triển đang ngày càng tăng và các Chính phủ phải cân nhắc lợi ích trong việc phân bổ nguồn lực cho các chương trình song phương của họ, cho các tổ chức đa phương toàn cầu và cho các tổ chức khu vực như ADB. Cán bộ của các bộ tài chính và viện trợ và các nhà lãnh đạo chính trị cần phải được bảo đảm rằng không chỉ tiền của những người nộp thuế được chi tiêu có hiệu quả mà công chúng cũng phải nhận thấy như vậy.

11. Còn có những lý do khác cho thấy tầm quan trọng của việc coi trọng quan hệ đối ngoại hiệu quả. Với sự hiểu biết rõ hơn và tôn trọng hơn, một tổ chức có thể thúc đẩy quan

Hộp 1. Quan hệ đối ngoại là gì?

Thuật ngữ **quan hệ đối ngoại** bao quát tất cả các khía cạnh hoạt động liên quan tới giao tiếp với các đối tượng bên ngoài của một tổ chức. Quan hệ đối ngoại bao gồm sự tương tác ở nhiều cấp khác nhau - với những người ra quyết định, những người bị ảnh hưởng, các tổ chức phi chính phủ (NGO), tư vấn, các nhà khoa học, các đối tác khu vực tư nhân và những nhà cung cấp dịch vụ, cơ quan thông tin đại chúng vv... và vì nhiều lý do khác nhau - để khởi xướng, lập kế hoạch và thực hiện các dự án và chương trình; để cung cấp thông tin; để thoả thuận và hoàn thành các hợp đồng hàng hoá và dịch vụ; để thiết lập các mạng lưới cộng tác và dàn xếp công việc; và để giải thích về công việc và mục tiêu của ADB và thu thập thông tin phản hồi. Rõ ràng tất cả những việc làm của ADB là chia sẻ trách nhiệm nhằm xây dựng các mối quan hệ đối ngoại để củng cố, duy trì và bảo vệ hình ảnh và uy tín của mình.

Các độc giả bên ngoài và các bên được uỷ quyền của ADB



⁷ ADB. 1994. *Chính sách và Chiến lược thông tin, và Chính sách bảo mật và công bố thông tin*. Manila.

hệ đối tác với các nhà lãnh đạo dự luận ở các nước tài trợ và các nước thành viên đang phát triển. Ngoài những lợi ích khác ra, điều này sẽ giúp thu hút và giữ được những cán bộ ADB có trình độ tốt. Truyền thông chủ động hơn tới những người bị ảnh hưởng sẽ giúp cải thiện chất lượng thiết kế và thực hiện dự án.

12. Việc chủ động công bố thông tin là điều kiện tiên quyết bảo đảm truyền thông hiệu quả và xây dựng mối quan hệ hiệu quả với một phạm vi rộng lớn các bên hữu quan. Nếu thông tin không được cung cấp kịp thời, phù hợp và có khả năng tiếp cận, thì tính hiệu quả của các cuộc tham vấn các cộng đồng nơi sẽ thực hiện dự án sẽ bị giảm đáng kể. Thông tin sẽ cho phép những người bị ảnh hưởng phân tích một cách phù hợp những điểm mạnh và điểm yếu của một dự án và đóng góp một cách hiệu quả hơn cho những buổi thảo luận về thiết kế và thực hiện. Quá trình này cuối cùng sẽ đem lại những dự án tốt hơn và bền vững hơn.

13. Tính minh bạch là một yếu tố quan trọng của tăng trưởng kinh tế,⁸ ổn định tài chính và quản trị hiệu quả. Minh bạch hơn nhờ tăng cường khả năng tiếp cận thông tin sẽ tăng cường tính liêm chính trong các cơ quan công và tổ chức tư nhân.

14. Cuối cùng, có một luận cứ mang tính đạo đức về việc công bố thông tin của các cơ quan công. Nhiều thành viên của ADB hiện đã coi thông tin của Chính phủ là thông tin công khai thông qua Luật về quyền đối với thông tin hoặc các điều khoản trong Hiến pháp. Với tư cách là một tổ chức công, ADB phải có trách nhiệm với công chúng. Trách nhiệm này không thể đạt được nếu không có thông tin.

III. KINH NGHIỆM TRUYỀN THÔNG CỦA ADB

A. Thực hiện *Chính sách thông tin*

1. Những đặc điểm chủ yếu của *Chính sách thông tin*

15. *Chính sách thông tin* hỗ trợ chương trình nghị sự chiến lược và các mục tiêu của ADB. Nó xác định những thông điệp cần gửi đi, người dùng tin mục tiêu cần hướng tới và các phương thức phổ biến sẽ sử dụng. Có 4 loại thông điệp chính: (i) ADB thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế bền vững ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương, đó là mối quan tâm của tất cả các nước thành viên; (ii) ADB thực hiện vai trò phát triển chủ yếu; (iii) ADB là chất xúc tác cho sự thay đổi về kinh tế và xã hội; và (iv) ADB nuôi dưỡng và phát triển sự hợp tác khu vực và hợp tác tiểu vùng. *Chính sách* này xác định các đối tượng mục tiêu cho các thông điệp này và quy định cụ thể nhiều cách khác nhau để truyền tải các thông điệp đó đến với họ.

2. Đánh giá thực hiện

16. Trong thập kỷ kể từ khi *Chính sách thông tin* được ban hành, ADB đã mở rộng và tăng cường quan hệ của mình với một số lượng lớn các đối tượng mục tiêu của mình, bao gồm các nhóm xã hội dân sự, các tổ chức phát triển và truyền thông đại chúng trong nước và quốc tế. ADB đã phổ biến tin tức và quan điểm tới một số lượng đối tượng lớn hơn. ADB đã bắt đầu chuyển từ phổ biến thông tin phản hồi sang phổ biến thông tin để có sự tham gia chủ động của các đối tượng mục tiêu.

⁸ Một nghiên cứu kiểm định các biến cấp số nhân để giải thích nhịp độ tăng trưởng khác nhau giữa 78 nước đang phát triển và trong quá trình chuyển đổi trong vòng 20 năm qua cho thấy rằng “đặc điểm riêng biệt có ý nghĩa đáng tin cậy nhất trong việc dự đoán tăng trưởng là khả năng tiếp cận thông tin”. Siegle, Joseph. 2001. *Dẫn chủ hoá và tăng trưởng kinh tế: Sự đóng góp của các tổ chức có trách nhiệm*.

17. Do còn thiếu những tiêu chuẩn hoặc một khuôn khổ theo dõi rõ ràng nên khó có thể đánh giá được là những tiến bộ đạt được từ trước đến nay đã đủ để đạt mục tiêu của *Chính sách thông tin* chưa. Tuy nhiên, trong một thập kỷ kể từ khi chính sách này được ban hành, ADB đã tiến hành một số lần đánh giá về các khía cạnh khác nhau trong hoạt động của mình và những lần đánh giá đó đều đưa ra những ý kiến đối với quan hệ đối ngoại của ADB. *Khuôn khổ chiến lược dài hạn (2001-2015)*, *Đánh giá tiến độ thực hiện chính sách về cơ quan đại diện thường trú (2000)*, và *Tổ chức lại Ngân hàng Phát triển Châu Á (2001)* đã nêu bật yêu cầu phải có quan hệ đối ngoại mạnh mẽ hơn. Đánh giá của bên ngoài về quan hệ đối ngoại của ADB - cả ở cấp trụ sở trung tâm và cấp quốc gia – cũng đều đưa ra kết luận như vậy và kiến nghị các hoạt động để tăng cường quan hệ đối ngoại (xem các bài học chủ yếu trong hộp 2). Mới chỉ có một số ít trong số các kiến nghị này đã được thực hiện.

18. Kết luận rút ra là mặc dù đã đạt được những tiến bộ nhất định trong việc nâng cao nhận thức của các đối tượng bên ngoài về ADB nhưng ADB vẫn chưa có được một hình ảnh trong công chúng tương xứng với vai trò trong phát triển của mình tại khu vực châu Á và Thái Bình Dương. *Chính sách thông tin* được soạn thảo vào thời điểm mà ADB cho rằng đóng góp của mình cho phát triển sẽ tự thể hiện mình và việc giải thích và quảng bá sự đóng góp đó là không cần thiết. Do vậy, ADB đã dành ít nguồn lực và ưu tiên thấp cho quan hệ đối ngoại. Tóm lại, *Chính sách thông tin* là sản phẩm của thời đại mà trong đó nó đã được tạo ra. Thời gian đã thay đổi. Chính sách này không còn đủ để đạt được mong muốn tổng hợp được đề cập trong *Khuôn khổ chiến lược dài hạn (2001-2015)* nhằm “nâng cao và củng cố hình ảnh đối với bên ngoài của mình” hoặc cam kết của ADB để trở thành một tổ chức học hỏi và nguồn của tri thức phát triển ở châu Á và Thái Bình Dương nữa.

B. Thực hiện Chính sách công bố

1. Những đặc điểm chủ yếu của *Chính sách công bố*

19. *Chính sách công bố* quy định ADB cam kết “ủng hộ quy định phải công bố thông tin nếu không đảm bảo các điều kiện về bảo mật”. Giả thiết này được áp dụng khi không có những hạn chế về pháp lý và thực tế. *Chính sách công bố* nhằm mục đích quy định mức độ minh bạch và công bố lớn nhất trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của ADB để đảm bảo sự mạng của mình thành công, duy trì bền vững sự ủng hộ của công chúng đối với tổ chức và giúp nó trở thành một hình mẫu đối với những người mà nó tìm cách giúp đỡ. *Chính sách công bố* xác định ba loại thông tin: “mật”, “chỉ sử dụng nội bộ” và “không mật”.

Hộp 2. Đánh giá quan hệ đối ngoại của ADB: Những bài học chủ yếu

Để mở rộng quan hệ đối ngoại và cải thiện hình ảnh của mình trong công chúng, ADB phải xây dựng một chiến lược quan hệ đối ngoại mạnh mẽ và có trọng tâm hơn. Chiến lược đó phải được đặt trên nền tảng:

- *Ban lãnh đạo mạnh mẽ và khuyến khích đối với nhân viên.* Ban quản lý phải thể hiện vai trò lãnh đạo của mình bằng việc trực tiếp tham gia vào công tác truyền thông và khuyến khích nhân viên của mình cùng tham gia với các đối tượng bên ngoài khi có thể. Một ban lãnh đạo quản lý mạnh mẽ là điều thiết yếu để thúc đẩy một nền văn hoá hỗ trợ sự tham gia chủ động hơn của nhân viên trong các hoạt động đối ngoại.
- *Sự rõ ràng hơn về những ưu tiên của ADB.* ADB phải biết rõ những ưu tiên của mình là gì, có mối quan hệ như thế nào với các vấn đề liên quan và tại sao. Đây là vấn đề trọng tâm trong khả năng truyền thông một cách hiệu quả thông tin đó tới một phạm vi đối tượng rộng lớn hơn.
- *Tư duy từ gốc.* ADB phải tiến hành nghiên cứu và hình thành các quan điểm của mình về những vấn đề quan tâm vượt ra ngoài phạm vi tổ chức của mình và tích cực quảng bá những quan điểm đó tới các đối tượng bên ngoài.
- *Chiến lược phổ biến hiệu quả.* ADB phải bảo đảm rằng sẽ có nhiều kinh nghiệm hoạt động và nghiên cứu của mình hơn có tác động làm đòn bẩy tạo ra những ấn phẩm phù hợp và dễ tiếp cận được quảng bá tới các đối tác mục tiêu.
- *Truyền thông tích cực trong nội bộ.* Để nhân viên có thể truyền thông một cách có hiệu quả quan điểm của ADB tới các đối tượng bên ngoài, trước tiên họ phải biết rõ quan điểm của ADB. Điều này đòi hỏi phải có sự truyền thông nội bộ tích cực hơn trong ADB.

20. *Chính sách công bố* đòi hỏi phải chuẩn bị thông tin tóm tắt dự án hoặc chương trình cho tất cả các dự án và chương trình lần đầu tiên được đưa vào danh sách trong tài liệu *Các cơ hội kinh doanh của ADB (ADB BO)*. Chính sách này đòi hỏi thông tin tóm tắt dự án hoặc chương trình của khu vực công phải được cập nhật thường xuyên sau khi Ban Giám đốc phê duyệt nhưng lại không có quy định này đối với thông tin tóm tắt dự án của khu vực tư nhân. Chính sách này giải thích những điều kiện có thể để công bố các loại tài liệu nhất định, bao gồm các báo cáo và kiến nghị của Chủ tịch (RRPs), các báo cáo hỗ trợ kỹ thuật, các báo cáo ngành, các báo cáo nghiên cứu khả thi và tài liệu về môi trường. Những đề nghị cung cấp thông tin mang tính kỹ thuật của dự án hoặc những tài liệu không quy định trong *Chính sách công bố* phải được sự phê duyệt của vụ hoặc văn phòng liên quan cũng như của Chính phủ. Cuối cùng, *Chính sách công bố* quy định rằng những người đề nghị cung cấp thông tin phải nhận được trả lời từ ADB trong vòng 22 ngày làm việc.

2. Đánh giá thực hiện

21. Từ khi áp dụng *Chính sách công bố* đến nay, ADB đã công bố nhiều thông tin hơn cho các đối tượng bên ngoài, và trong quá trình này đã góp phần nâng cao sự hiểu biết của công chúng về vai trò, mục tiêu và hoạt động của ADB. Mặc dù người ta đã nhận thấy nhiều lợi ích của tính minh bạch, nhưng việc thiếu vắng một chiến lược thực hiện đã ngăn cản việc đạt được một cách đầy đủ những lợi ích đó.

22. Nhiều bên hữu quan bên ngoài nêu rõ rằng việc công bố thông tin không phải lúc nào cũng theo quy định và cần phải có những tiêu chuẩn rõ ràng về bảo mật. Trong thực tế, thông tin có là “bảo mật” hay không còn tùy thuộc vào ý của ADB và các Chính phủ thành viên. Người ta cho rằng ADB thường phải chấp nhận bảo mật đối với thông tin do bên vay đề nghị, do vậy đã đưa ra quy định phải công bố thông tin nếu không đảm bảo các điều kiện về bảo mật. Những người bên ngoài được tham vấn vẫn đều phản nản rằng việc công bố chỉ được thực hiện sau khi đã có kết luận và quyết định liên quan tới một chiến lược, một chính sách hoặc một dự án cụ thể.

23. *Chính sách công bố* hiện tại cần được cải tiến trong một số lĩnh vực khác nữa. *Chính sách công bố* có một số lĩnh vực không rõ ràng và nhiều văn bản hiện hành không có trong tài liệu này. Nhiều cán bộ ADB đã bày tỏ mối lo ngại về khối lượng thời gian họ phải bỏ ra để trả lời các yêu cầu cung cấp thông tin và để đạt được sự phê duyệt của ADB cũng như các chính phủ thành viên cho công bố một tài liệu mà những người sống ở các vùng dự án quan tâm cũng như trả lời những tổ chức thay mặt họ nêu lên những vấn đề đó. Một số cán bộ lại tỏ ra không biết chắc về loại thông tin nào được công bố, cơ quan nào chịu trách nhiệm đối với các đề nghị công bố và làm thế nào để điều phối các yêu cầu đó. Họ cần sự rõ ràng và cần được đào tạo. Hơn nữa, cán bộ ADB còn cho biết rằng việc cập nhật bắt buộc đối với thông tin tóm tắt dự án bị cản trở bởi hệ thống hành chính của ADB và được xếp thứ tự ưu tiên thấp.

24. Kinh nghiệm cho thấy rằng mức độ cởi mở và chia sẻ thông tin lớn hơn sẽ cải thiện chất lượng hoạt động.⁹ Kinh nghiệm cũng cho thấy rằng dự án sẽ có nhiều khiếu nại từ phía người dân địa phương khi thông tin không được cung cấp đầy đủ trong quá trình thiết kế và thực hiện và khi thông tin không được cung cấp đủ sớm.¹⁰ Nhiều cán bộ ADB cảm thấy cần phải có một chính sách sửa đổi tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tham vấn mang tính thiết thực và sự phát triển có sự tham gia của người dân.

⁹ Fowler, Alan. 2001. *Tăng cường sự tham gia vào việc xây dựng kế hoạch chiến lược và chương trình quốc gia*. Manila. ADB.

¹⁰ Khiếu nại gửi lên Văn phòng Hướng dẫn viên các dự án đặc biệt của ADB, và Phòng thanh tra trước đây đã nêu rõ việc công bố không đầy đủ thông tin về các dự án do ADB hỗ trợ.

25. Đồng thời, cán bộ của ADB cũng nhận thấy rằng tính minh bạch phải cân bằng với yêu cầu bảo vệ quá trình thảo luận nội bộ, duy trì được lòng tin của Chính phủ các nước thành viên và duy trì được định hướng mạnh mẽ vào khách hàng. Nói chung, bảo mật được coi là phù hợp nhất trong những giai đoạn đầu xem xét khi những lời khuyên thẳng thắn đối với những vấn đề nhạy cảm thường được đưa ra cho Chính phủ. Với khối lượng công việc đã quá nặng nề, các cán bộ chức năng cũng cảnh báo việc áp đặt những yêu cầu công bố mới sẽ làm tăng thêm gánh nặng bất hợp lý.

C. Kết luận

26. *Chính sách thông tin và Chính sách công bố* 1994 cần được cập nhật. Để truyền tải được những cam kết của mình với mức độ minh bạch hơn và để có được sự tôn trọng và lòng tin của các bên hữu quan, ADB phải xây dựng một cách tiếp cận mạnh mẽ và đặt trọng tâm hơn vào quan hệ đối ngoại với sự ủng hộ của một ban lãnh đạo mạnh mẽ, nguồn lực đầy đủ và sự thay đổi trong tư duy về vai trò của quan hệ đối ngoại trong tổ chức. Cách tiếp cận như vậy phải dựa trên nền tảng một nền văn hoá mang tính hợp tác, ủng hộ việc công bố kịp thời và đầy đủ thông tin nhằm tăng cường sự tham gia có ý nghĩa của các bên hữu quan vào hoạt động của ADB.

IV. CHÍNH SÁCH TRUYỀN THÔNG

27. Chính sách này nhằm tăng thêm niềm tin và khả năng tham gia của các bên hữu quan đối với ADB. Để đảm bảo các hoạt động của ADB có tác động lớn hơn tới phát triển, Chính sách này tăng cường:

- nhận thức và sự hiểu biết về các hoạt động, chính sách, chiến lược, mục tiêu và kết quả của ADB giữa các thành viên Ban Giám đốc, các bên hữu quan và công chúng;
- chia sẻ và trao đổi những kiến thức và bài học phát triển nhằm cung cấp những triển vọng mới mẻ và mang tính đổi mới về những vấn đề phát triển;
- sự phát triển có sự tham gia, bảo đảm luồng thông tin hai chiều lớn hơn giữa ADB và các bên hữu quan của mình, kể cả những người bị ảnh hưởng bởi dự án; và
- tính minh bạch và trách nhiệm trong các hoạt động của ADB.

28. Để đạt được những mục tiêu này, ADB phải chủ động chia sẻ những tri thức và thông tin về công việc, quan điểm và ý kiến của mình với các bên hữu quan và công chúng nói chung. ADB cũng phải công bố thông tin để đáp ứng các yêu cầu về thông tin của các cá nhân. Khi không có những lý do bắt buộc về bảo mật, thì quy định công bố thông tin nếu không đảm bảo các điều kiện về bảo mật phải được áp dụng.

29. ADB thừa nhận rằng tính minh bạch không chỉ giúp tăng cường tính hiệu quả của sự phát triển mà còn làm tăng niềm tin của công chúng đối với tổ chức này. ADB phải tìm cách để trở thành một hình mẫu tích cực về tính minh bạch và không ngừng hành động theo đúng ý kiến tư vấn của mình về các vấn đề minh bạch cho các nước thành viên.

30. ADB cũng thừa nhận tầm quan trọng của tính tự chủ quốc gia đối với các hoạt động mà ADB hỗ trợ cho các nước thành viên đang phát triển. Do vậy, quan điểm và lợi ích của các nước thành viên đang phát triển sẽ được tôn trọng khi thực hiện Chính sách.

31. ADB ủng hộ quyền tìm kiếm, nhận và chia sẻ thông tin và ý tưởng về các hoạt động do ADB hỗ trợ của mọi người. ADB phải cung cấp thông tin một cách kịp thời, rõ ràng và phù hợp sao cho ADB có thể truyền thông, lắng nghe và xem xét thông tin phản hồi từ các bên hữu quan. ADB phải chia sẻ thông tin một cách đủ sớm với những người bị ảnh hưởng để họ có thể góp ý một cách thiết thực cho quá trình thiết kế và thực hiện dự án.

32. Để cải thiện kết quả hoạt động thông qua các bài học kinh nghiệm trong quá khứ, ADB phải báo cáo cả những thất bại, sự thất vọng cũng như những thành công. ADB không được giấu giếm thông tin chỉ vì đó là thông tin tiêu cực. ADB phải khuyến khích đối thoại và tranh luận mang tính xây dựng về các chính sách và hoạt động. Với tư cách là một tổ chức công, ADB cần phải có trách nhiệm với công chúng.

33. ADB không công bố thông tin một cách chọn lọc; mọi người đều có cơ hội tiếp cận bình đẳng với những thông tin mà ADB công bố công khai theo quy định của Chính sách, chiến lược và tổ chức thực hiện.

34. ADB phải tìm cách để nâng cao sự hiểu biết của các thành viên, các tổ chức xã hội dân sự, giới kinh doanh, giới truyền thông, các cơ quan khoa học, các đối tác phát triển và công chúng nói chung về vai trò của mình trong công tác giảm nghèo tại châu Á.

35. Vì những lý do về mặt pháp lý và thực tế không phải lúc nào thông tin cũng có thể được công bố một cách đầy đủ. Ví dụ, ADB cần thăm dò ý kiến, chia sẻ thông tin và tổ chức các buổi thảo luận thẳng thắn trong nội bộ và với những thành viên của mình, và xem xét những yêu cầu đặc biệt trong hoạt động của mình trong khu vực tư nhân. ADB phải bảo vệ sự riêng tư cho cán bộ của mình và bảo vệ những thông tin về công việc không công bố của bản thân mình, của các nhà tài trợ dự án tư nhân và khách hàng. Tuy nhiên, những trường hợp ngoại lệ sẽ chỉ là hãn hữu và ADB phải cung cấp tất cả thông tin do mình tạo ra nếu những thông tin đó không nằm trong những trường hợp ngoại lệ được quy định trong đoạn 126, 127 và 130 của Chính sách.

36. Nếu không bị hạn chế bởi các điều khoản khác trong Chính sách, các tài liệu trình lên Ban Giám đốc để báo cáo phải được công bố ngay sau khi gửi tới Ban Giám đốc và các văn bản trình lên Ban Giám đốc xem xét sẽ được công bố ngay sau khi Ban Giám đốc phê duyệt hoặc thông qua.

37. ADB phải thực hiện những nguyên tắc chung quy định trong Chính sách thông qua chiến lược nêu ra dưới đây. Chiến lược này quy định rõ những thông tin mà ADB phải chủ động công bố công khai và nêu rõ những trường hợp nhất định mà theo đó thông tin phải được cấp theo yêu cầu hoặc không được cấp nếu không được sự đồng ý của ADB.

38. Trong trường hợp có bất kỳ sự xung đột nào giữa các điều khoản công bố (nhưng không phải với các điều khoản khác) trong Chính sách hoặc bất kỳ chính sách khác nào do Ban Giám đốc phê duyệt, thì sẽ áp dụng theo các điều khoản của Chính sách.

V. CHIẾN LƯỢC

39. Để đạt được các mục tiêu của Chính sách, chiến lược này được thiết kế để đưa ra hai kết quả cụ thể:

- (i) quan hệ đối ngoại chủ động; và
- (ii) khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động của ADB được cải thiện

40. Chiến lược này bao gồm hai hợp phần riêng biệt nhưng bổ sung cho nhau: Quan hệ đối ngoại và công bố thông tin. Quan hệ đối ngoại sẽ tập trung chủ yếu vào việc xây dựng mối quan hệ đối ngoại mạnh mẽ khiến các bên hữu quan chính của ADB biết và hiểu về tổ chức này - Kết quả (i). Công bố thông tin sẽ nhằm mục đích tăng cường quan hệ đối tác, đặc biệt là với những người và tổ chức có quan hệ hoạt động và công tác trực tiếp với ADB - Kết quả (ii).

A. Quan hệ đối ngoại

41. ADB sẽ củng cố và cải tiến các cách tiếp cận quan hệ đối ngoại của mình bằng việc xác định một chiến lược đặt trọng tâm vào quan hệ đối ngoại. ADB sẽ đưa ra những quan điểm rõ ràng về những vấn đề quan trọng của các thành viên, cải tiến các sản phẩm thông tin để giải thích cho các quan điểm đó và phổ biến các sản phẩm đó rộng rãi hơn. Để làm rõ tầm quan trọng của quan hệ đối ngoại bên trong tổ chức, ADB sẽ sắp xếp lại tổ chức và điều chỉnh kỹ năng cán bộ của mình cho phù hợp.

1. Điều kiện tiên quyết

42. Để nâng cao hình ảnh của mình với các đối tượng bên ngoài, ADB phải bảo đảm rằng:

- (i) ADB tạo ra các ý tưởng ban đầu và những thông điệp sâu sắc về những vấn đề phát triển;
- (ii) ADB tham gia một cách tích cực vào các cuộc thảo luận quốc tế về các vấn đề này dựa trên cơ sở cả kinh nghiệm hoạt động và nghiên cứu của mình;
- (iii) ADB không ngừng tìm kiếm và khai thác những cơ hội gặp gỡ các cơ quan thông tin đại chúng và các đối tượng bên ngoài khác;
- (iv) ADB duy trì công tác truyền thông nội bộ tích cực và cởi mở sao cho cán bộ nhận thức được các quan điểm của ADB về các vấn đề;
- (v) ADB duy trì hoạt động tốt; và
- (vi) cán bộ chức năng của ADB duy trì mối quan hệ chặt chẽ với những người và tổ chức có quan hệ hoạt động và công tác trực tiếp với ADB.

2. Lãnh đạo và động lực

43. Một cam kết mạnh mẽ và hết sức rõ ràng đối với việc tăng cường quan hệ đối ngoại của mỗi thành viên trong Ban Điều hành của ADB là rất quan trọng. Ban Điều hành sẽ đóng vai trò chủ yếu trong việc xác định, cập nhật và thực hiện chiến lược quan hệ đối ngoại của ADB. Với tư cách là những nhà truyền thông chính của ADB, thành viên Ban Điều hành sẽ tham gia tích cực vào các hoạt động quan hệ đối ngoại và thiết lập quan hệ mạnh mẽ với các đối tượng chính của ADB, bao gồm cả các nhà ra quyết định và các nhà lãnh đạo dư luận tại các nước tài trợ và nước đi vay.

44. Do nhiều cán bộ của ADB còn miễn cưỡng trong việc tham gia một cách chủ động với các đối tượng bên ngoài và quan niệm phổ biến trong ADB là quan hệ đối ngoại không những là hoạt động ưu tiên thấp mà còn là một hoạt động mang tính rủi ro nữa, nên Ban Điều hành nhất thiết phải khuyến khích tất cả cán bộ của mình tích cực tham gia vào hoạt động đối ngoại. Ban Điều hành phải bảo đảm rằng tất cả cán bộ của mình phải hiểu rằng hiện nay việc giải thích công khai công việc của họ là một ưu tiên. Trước tiên về phần mình, Ban Điều hành phải tăng cường giao tiếp với cán bộ và chia sẻ quan điểm với họ và nắm bắt thông tin phản hồi từ cán bộ ở tất cả các cấp.

3. Các đối tượng mục tiêu

45. ADB làm việc với và tìm cách gây ảnh hưởng tới một phạm vi rộng lớn các đối tượng (Hộp 1). Mọi đối tượng trên đều quan trọng đối với ADB và có thể góp phần làm tăng tính hiệu quả của ADB. Các nước thành viên đang phát triển nơi ADB thực hiện rất nhiều hoạt động của mình là những đối tác quan trọng nhất trong các hoạt động hàng ngày. Mối quan hệ chặt chẽ với các nhà ra quyết định và các nhà lãnh đạo dư luận là rất quan trọng đối với ADB nếu ADB muốn đạt được các mục tiêu dài hạn của mình. Các cơ quan đại diện thường trú sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ này. Mối quan hệ đáng tin cậy với các đối tượng khác bao gồm cả các nhà ra quyết định và lãnh đạo

dự luận của các nước tài trợ, các tổ chức phát triển khác và xã hội dân sự là bộ phận không thể tách rời để tăng cường hoạt động và hiệu quả hoạt động của ADB (xem đoạn 9-14).

46. Do nguồn lực luôn luôn hạn hẹp nên ADB phải sắp xếp thứ tự ưu tiên các đối tượng của mình. Vì đã có quan hệ làm việc chặt chẽ với nhiều nhà ra quyết định và lãnh đạo dự luận tại các nước thành viên đang phát triển, nên chiến lược này đặt trọng tâm hướng tới các đối tượng mới, chủ yếu ở các nước tài trợ. Việc sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các đối tượng dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn sau:

- (i) *Mức độ ảnh hưởng của các nhà ra quyết định.* Hoạt động của ADB bị tác động bởi nhiều nhà ra quyết định, chủ yếu là các bộ trưởng, đại biểu quốc hội và các nhà quản trị quốc gia. Các đối tượng mục tiêu sẽ được lựa chọn dựa trên cơ sở ảnh hưởng của họ tới tư duy của các nhà ra quyết định này.
- (ii) *Vai trò là “các kênh” tới các đối tượng mục tiêu gián tiếp.* Thông tin và ý kiến về ADB được nhiều người thể hiện và sau đó được truyền tải tới những đối tượng rộng lớn hơn. ADB sẽ xây dựng mối quan hệ nhằm giúp các thông điệp của mình đến được với những đối tượng không phải là đối tượng trực tiếp của Chiến lược này.

47. Việc tăng cường mối quan hệ với các đối tượng ở các nước thành viên đang phát triển sẽ vẫn là trách nhiệm của các vụ chức năng của ADB. Các vụ này sẽ là đầu mối liên hệ cho những người bị ảnh hưởng và sẽ chịu trách nhiệm xây dựng quan hệ đối tác với các tổ chức xã hội dân sự tham gia trực tiếp và liên quan tới những hoạt động cụ thể. Trung tâm các tổ chức phi chính phủ (NGO) sẽ chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì quan hệ với xã hội dân sự nói chung.

48. Trong khi điều quan trọng đối với ADB là hướng tới công chúng nói chung thì chiến lược này lại không trực tiếp hướng vào công chúng ở các nước tài trợ hoặc các nước thành viên đang phát triển hoặc khu vực tư nhân. Sự tham gia của ADB với công chúng nói chung vẫn là gián tiếp.¹¹

4. Cách tiếp cận để đến với đối tượng mục tiêu

49. Việc xây dựng mối quan hệ mạnh mẽ và bền vững với các đối tượng mục tiêu đòi hỏi phải có sự tương tác không ngừng giữa con người với nhau và việc thường xuyên trao đổi những thông tin cơ bản, chứ không phải chỉ là những tài liệu về quan hệ công chúng. Việc thiết lập mối quan hệ như vậy sẽ mất nhiều thời gian và tiền bạc, đặc biệt là khi trụ sở trung tâm của ADB lại ở Manila, nơi không phải là một trung tâm truyền thông đại chúng quốc tế và cũng không phải là một trung tâm nghiên cứu. Các mối quan hệ sẽ do Ban Điều hành, các cán bộ cao cấp trong các chuyến đi công tác của mình và các văn phòng đại diện thiết lập và nuôi dưỡng.

50. ADB sẽ tăng cường quan hệ của mình với các cơ quan truyền thông đại chúng hàng đầu. Ban Điều hành và cán bộ ADB sẽ xuất hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng nhiều hơn và sẽ có những nỗ lực nhằm tăng cường số lần tham chiếu đến các nghiên cứu và hoạt động của ADB trên báo, tạp chí và các chương trình thời sự có ảnh hưởng tới các đối tượng mục tiêu. ADB sẽ tiến hành điều tra thường xuyên về các nguồn thông tin về ADB của các nhà lãnh đạo dự luận và theo đó sẽ điều chỉnh việc lựa chọn các phương tiện thông tin đại chúng mục tiêu cho phù hợp.

¹¹ Một điều được thừa nhận là thông tin đến với công chúng thông qua phương tiện thông tin đại chúng và các nhà lãnh đạo dự luận khác sẽ chịu ảnh hưởng của quan niệm và quan điểm cá nhân của các nhà lãnh đạo đó.

51. Quan hệ đối ngoại sẽ trở thành chức năng chính của các văn phòng đại diện tại châu Âu, Nhật Bản và Bắc Mỹ. Những văn phòng này sẽ làm việc để tăng cường mối quan hệ với các cơ quan thông tin đại chúng và các nhà lãnh đạo dư luận, phổ biến quan điểm và thông tin của ADB về những vấn đề phát triển và tham gia vào các cuộc thảo luận và tranh luận công khai về phát triển.

52. Ban Điều hành và cán bộ ADB sẽ tiếp tục xúc tiến những thông điệp và công việc của ADB tại các hội nghị, hội thảo và các sự kiện trong và ngoài nước khác.¹² Để đạt được tầm ảnh hưởng lớn, một chiến lược hướng tới các đối tượng bên ngoài mang tính trọng tâm hơn sẽ dần được thực hiện.

5. Các nhà truyền thông chính

53. Do nguồn lực để với tới các đối tượng bên ngoài hạn hẹp, ADB phải xác định rõ ràng các nhà truyền thông chủ yếu của mình cũng như các đối tượng cụ thể mà họ muốn hướng tới. Chủ tịch và Phó Chủ tịch của ADB phải là các nhà truyền thông rõ ràng nhất. Họ sẽ đi đầu trong nỗ lực nhằm tăng cường hình ảnh của ADB trong số các đối tượng mục tiêu thông qua các cuộc tiếp xúc cá nhân, diễn thuyết tại các diễn đàn cấp cao và các bài phỏng vấn và bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng hàng đầu. Các nhà kinh tế trưởng và những người đứng đầu các vụ và văn phòng – bao gồm cả cán bộ cao cấp tại các cơ quan đại diện thường trú và văn phòng đại diện – cũng sẽ truyền thông một cách tích cực tới các đối tượng bên ngoài.

54. Ngoài ra, các chuyên gia là cán bộ của ADB, đặc biệt nếu họ đã tiến hành các nghiên cứu cụ thể có thể tiếp thị được, sẽ xây dựng các mạng lưới thông qua các cuộc tiếp xúc cá nhân, phát biểu tại các hội nghị, phát biểu với phương tiện thông tin đại chúng và viết các bài báo về những lĩnh vực chuyên môn của họ.

B. Công bố thông tin

55. Chính sách này quy định những yêu cầu về công bố những tài liệu do ADB tạo ra hoặc được yêu cầu tạo ra. Nó không quy định những yêu cầu tạo ra những tài liệu đó. Việc tham chiếu các chính sách khác của ADB được đưa ra trong toàn bộ Chính sách này. Bất kỳ sự tham chiếu nào tới một chính sách khác của ADB đều phải nêu rằng chính sách của ADB được sửa đổi theo thời gian. Bất kỳ chính sách hoặc chiến lược nào do ADB xây dựng hoặc sửa sau ngày Chính sách này có hiệu lực đều phải quy định rõ ràng các yêu cầu công bố tài liệu và các thông tin khác theo chính sách hoặc chiến lược đó. Những yêu cầu công bố đó phải phù hợp với những nguyên tắc chung quy định trong Chính sách này.

1. Dịch thuật

56. Tiếng Anh là ngôn ngữ làm việc của ADB.¹³ Tuy nhiên, việc dịch tài liệu và các thông tin khác sang ngôn ngữ khác không phải tiếng Anh thường là cần thiết để khuyến khích sự tham gia cũng như sự hiểu biết và ủng hộ của các cổ đông và các bên hữu quan khác của ADB đối với những hoạt động do ADB hỗ trợ. Để tham vấn các bên hữu quan bên ngoài, ADB sẽ xây dựng một khuôn khổ dịch thuật các tài liệu liên quan tới hoạt động của mình.

57. ADB sẽ tiến hành dịch thuật tùy theo yêu cầu hoạt động của mình. Công việc dịch thuật này có thể bao gồm những thông tin (i) liên quan tới hoạt động công tác nói chung, các chính sách và tư duy chiến lược của ADB và được định hướng tới đông đảo các đối tượng quốc tế. (ii) để tham vấn công chúng, đặc biệt là những người bị ảnh hưởng (xem đoạn 74)

¹² Hiện nay ADB đang xây dựng hệ thống đăng ký các sự kiện đối ngoại điện tử để cải thiện việc theo dõi và xây dựng kế hoạch cho các hoạt động hướng tới đối tượng bên ngoài.

¹³ ADB. 1966. *Hiệp định thành lập Ngân hàng Phát triển Châu Á*. Manila: Điều 39.1.

(iii) liên quan tới những nước, dự án và chương trình cụ thể; và (iv) dự định đưa lên trang tin điện tử.

58. Các tiêu chuẩn để tiến hành dịch thuật bao gồm trình độ văn hóa của đối tượng liên quan, ngôn ngữ mà đối tượng đó biết, các phương án dịch thuật, thời gian cần thiết và chi phí dịch.

2. Thông tin liên quan đến hoạt động của ADB

59. ADB làm việc chặt chẽ với các bên vay và những người tài trợ dự án khu vực tư nhân để chuẩn bị và thực hiện các hoạt động phát triển. Để làm việc đó, ADB sẽ thông báo với bên vay và nhà tài trợ về quy định phải công bố thông tin nếu không đảm bảo các điều kiện bảo mật về các hoạt động do ADB hỗ trợ. Những tài liệu sau đây sẽ được công bố công khai tùy theo thời gian quy định sau khi đã tham vấn bên vay hoặc nhà tài trợ khu vực tư nhân thích hợp và chịu sự điều chỉnh của phần về các trường hợp ngoại lệ trong công bố thông tin (đoạn 123-130).

a. Xây dựng chương trình quốc gia và khu vực

i. Các đánh giá chiến lược và chương trình

60. ADB thực hiện các nghiên cứu đánh giá để chuẩn bị các tài liệu về chương trình và chiến lược quốc gia (CSP) cũng như chương trình và chiến lược hợp tác khu vực (RCSP). Những đánh giá về chiến lược và chương trình đó bao gồm cả những phân tích về tình trạng đói nghèo, phân tích kinh tế, phân tích theo chủ đề (giới, quản trị nhà nước, môi trường và khu vực tư nhân), và các đánh giá ngành. Những đánh giá này có thể được cung cấp cho các bên hữu quan trong nước dưới dạng bản thảo nếu chúng được soạn thảo với sự tham vấn các bên hữu quan phi chính phủ. ADB phải công bố công khai các báo cáo này sau khi chúng được hoàn thành.

ii. Các chiến lược và chương trình

61. CSP xác định chiến lược và chương trình hoạt động trung hạn của ADB như đã thống nhất với nước chủ nhà. Các đề cương cho các dự án dự kiến được ADB hỗ trợ phải được đưa vào CSP. Một CSP cập nhật (CSPU) phải xem xét tính phù hợp của CSP, mô tả việc thực hiện và đề ra chương trình hoạt động cho 3 năm tới.

62. Tương tự như vậy, RCSP đưa ra luận chứng về sự cần thiết phải có sự hỗ trợ đề xuất của ADB ở cấp tiểu vùng. RCSP xác định rõ cách mà hỗ trợ của ADB sẽ bổ sung cho các mục tiêu và chiến lược quốc gia và bao gồm cả các đề cương cho dự án khu vực được đề xuất. Một RCSP cập nhật (RCSPU) được xây dựng hàng năm.

63. ADB phải duy trì và công bố công khai trên cơ sở một danh sách các chiến lược và chương trình mới được dự kiến xây dựng trong năm tới.

64. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham vấn cần thiết đối với các bên hữu quan¹⁴ và cho phép họ góp ý cho các chiến lược và chương trình dự thảo tại nước và/hoặc khu vực của họ, ADB phải cung cấp các chiến lược và chương trình dự thảo đó cho các bên hữu quan trong nước để họ bình luận trước khi đưa ra tham vấn. Chúng phải được công bố công khai (i) sau khi báo cáo ban đầu được hoàn thành, và (ii) sau khi chiến lược và chương trình đó được sự thảo luận trước cuộc họp đánh giá của Ban Điều hành.

¹⁴ ADB. 2001. *Quy trình làm việc của ADB đã được tổ chức lại*. Manila: Phụ lục 2: 2-4 và Phụ lục 4: 2.

65. ADB phải công bố công khai các chiến lược và chương trình, và tóm tắt của Chủ tọa tại mỗi buổi thảo luận của Ban Giám đốc về các chiến lược và chương trình sau khi Ban Giám đốc điều hành thông qua. Nếu tiếng Anh không được sử dụng rộng rãi tại nước liên quan, ADB phải dịch bất cứ chiến lược và chương trình mới nào (hoặc bản cập nhật) sang ngôn ngữ mà nhiều người sử dụng trong vòng 90 ngày sau khi Ban Giám đốc thông qua tài liệu đó.

b. Chính sách, Chiến lược và các thủ tục hoạt động

66. ADB tìm kiếm sự tham gia tích cực của các bên hữu quan cũng như các cá nhân và tổ chức có quan tâm khác trong việc xây dựng và đánh giá các chính sách về an toàn, các chiến lược ngành và chuyên đề của mình. ADB phải công bố công khai một danh mục các chính sách về an toàn, các chiến lược ngành và chuyên đề sẽ xây dựng và đánh giá trong 12 tháng tới trên trang tin điện tử. Các hạng mục sẽ được bổ sung vào danh sách sau khi Ban Điều hành phê duyệt đề cương cho việc xây dựng hoặc đánh giá đó. ADB phải xây dựng các kế hoạch tham vấn, bao gồm cả các cuộc gặp trực tiếp với các đối tượng bên ngoài, công bố công khai các kế hoạch đó sau khi chúng được hoàn thành. ADB phải công bố công khai ít nhất một dự thảo chính sách hoặc chiến lược để lấy ý kiến. Đối với các chính sách và chiến lược khác, như chính sách truyền thông, chiến lược giảm nghèo và cơ chế giải trình trách nhiệm, Ban Điều hành ADB có thể quyết định rằng chúng cũng chịu sự điều chỉnh của các yêu cầu nêu ra trong đoạn này.

67. ADB phải công bố công khai tất cả các chính sách hoặc chiến lược của ADB ngay sau khi có phê duyệt cuối cùng của Ban Giám đốc hoặc của Ban Điều hành. Đối với mỗi chính sách và chiến lược do Ban Giám đốc thảo luận tại cuộc họp chính thức của Ban này, ADB phải công bố công khai tóm tắt của chủ tọa cuộc họp, cùng với lúc công bố chính sách hoặc chiến lược đó.

68. ADB phải công bố công khai các chính sách hoặc thủ tục xây dựng chương trình và chuẩn bị dự án quốc gia và khu vực, bao gồm *Sổ tay hoạt động* (các chính sách của Ngân hàng và thủ tục hoạt động) và *Quy trình làm việc của ADB đã được tổ chức lại*. ADB cũng phải công bố công khai Hướng dẫn quản lý dự án, hướng dẫn cho nhân viên và sổ tay về hoạt động của ADB.

c. Dự án và chương trình

i. Tài liệu thông tin về dự án và chương trình (PID)

69. ADB phải công bố công khai một Tài liệu thông tin về dự án và chương trình, đưa ra một tóm tắt ngắn gọn về một dự án hoặc chương trình. Các PID cho các dự án của khu vực công và khu vực tư nhân phải bao gồm: (i) tên dự án; (ii) ngành, chủ đề và phân loại mục tiêu; (iii) số dự án/chương trình; (iv) loại hình hoặc phương thức hỗ trợ; (v) địa điểm và phạm vi địa lý; (vi) mô tả; (vii) mục tiêu và phạm vi, bao gồm cả các tác động phát triển dự kiến; (viii) chi phí và kế hoạch tài chính (chỉ đối với dự án của khu vực công); (ix) cơ quan thực hiện hoặc nhà tài trợ dự án; (x) phân loại về kiểm tra môi trường và an toàn xã hội; (xi) tóm tắt các vấn đề môi trường và xã hội; (xii) bối cảnh quốc gia; (xiii) tham vấn đã thực hiện hoặc dự kiến; (xiv) vụ, phòng và cán bộ chương trình chịu trách nhiệm của ADB; (xv) ngày phê duyệt đề cương dự án hoặc báo cáo thông qua đề cương dự án của khu vực tư nhân; (xvi) ngày chuẩn bị PID và lần cập nhật gần nhất; (xvii) danh mục các tài liệu khả thi và kỹ thuật đã được chuẩn bị hoặc có kế hoạch chuẩn bị; và (xviii) lịch trình thiết kế, chuẩn bị và thực hiện hỗ trợ, gồm cả ngày dự kiến cho thẩm định và xem xét của Ban Giám đốc. Vì PID là một tài liệu “động”, nên các thông tin trong các mục (viii), (x), (xi), (xiii), và (xvii) có thể không được đưa vào khi PID ban đầu được công bố công khai. Những thông tin này sẽ được đưa vào khi có.

ii. PID của khu vực công

70. ADB phải công bố công khai PID ban đầu cho một dự án hoặc chương trình của khu vực công ngay khi công việc chuẩn bị cho một dự án hoặc chương trình bắt đầu hoặc không chậm hơn 30 ngày sau khi có phê duyệt đối với đề cương dự án hoặc chương trình đó. Một khuôn khổ thiết kế và theo dõi dự án đưa ra cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động dự án sẽ được xây dựng trong quá trình chuẩn bị một dự án vốn vay thuộc khu vực công. ADB phải đưa khuôn khổ thiết kế và theo dõi dự án này vào PID trước khi thẩm định dự án hoặc chương trình.

71. Trong quá trình chuẩn bị dự án hoặc chương trình, hàng quý, ADB phải tiến hành cập nhật để phản ánh hiện trạng của dự án. Trong quá trình thực hiện, ADB theo dõi các dự án vốn vay thuộc khu vực công và dự án hỗ trợ kỹ thuật thông qua hệ thống quản lý kết quả hoạt động dự án của mình. Trong quá trình thực hiện, hàng quý, ADB phải cập nhật PID để phản ánh các hoạt động và vấn đề, hiện trạng các mục tiêu phát triển và các điều khoản cam kết cũng như việc sử dụng vốn vay.

72. Nếu ADB chấm dứt sự tham gia của mình vào một dự án hoặc chương trình của khu vực công, PID tương ứng phải bao gồm một công bố nêu rõ lý do chấm dứt. ADB phải công bố công khai PID cho các dự án chấm dứt trong vòng 6 tháng sau khi chấm dứt.

iii. PID của khu vực tư nhân

73. ADB phải công bố công khai PID ban đầu cho một dự án hoặc chương trình của khu vực tư nhân sau khi ADB quyết định rằng dự án sẽ được trình lên Ban Giám đốc nhưng không chậm hơn 30 ngày trước ngày Ban Giám đốc xem xét. Đối với các dự án nhạy cảm về môi trường mà theo chính sách môi trường cần phải có một đánh giá tóm tắt về tác động môi trường hoặc tóm tắt đánh giá sơ bộ về môi trường công bố công khai ít nhất 120 ngày trước ngày Ban Giám đốc xem xét.¹⁵ ADB phải công bố công khai PID của dự án của khu vực tư nhân 120 ngày trước ngày Ban Giám đốc xem xét. Trong khi tiến hành chuẩn bị, xử lý và thực hiện dự án, ADB phải cập nhật PID hàng quý để phản ánh các hoạt động, hiện trạng mục tiêu phát triển và những thay đổi lớn, nếu có, liên quan đến dự án. Nếu ADB chấm dứt sự tham gia của mình vào một dự án hoặc chương trình của khu vực tư nhân, PID tương ứng phải bao gồm một công bố nêu rõ lý do chấm dứt. ADB phải công bố công khai PID cho các dự án chấm dứt trong vòng 6 tháng sau khi chấm dứt.

iv. Thông tin cho những người bị ảnh hưởng

74. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối thoại với những người bị ảnh hưởng và các cá nhân và tổ chức khác, thông tin về các dự án và chương trình của khu vực công hoặc khu vực tư nhân đang trong quá trình chuẩn bị (bao gồm cả những vấn đề xã hội và môi trường) phải được công bố công khai tới những người bị ảnh hưởng. ADB phải làm việc chặt chẽ với bên vay hoặc nhà tài trợ cho dự án để bảo đảm rằng thông tin được cung cấp và nhận được thông tin phản hồi về thiết kế dự án và bảo đảm rằng có một đầu mối để liên lạc thường xuyên với những người bị ảnh hưởng. Điều này phải được bắt đầu sớm trong quá trình chuẩn bị dự án sao cho quan điểm của người bị ảnh hưởng có thể được xem xét đầy đủ trong thiết kế dự án và tiếp tục trong mỗi giai đoạn chuẩn bị, xử lý và thực hiện dự án hoặc chương trình. ADB phải bảo đảm rằng thiết kế của dự án hoặc chương trình phải cho phép thông tin phản hồi của các bên hữu quan trong quá trình thực hiện. ADB phải bảo đảm rằng những thông tin phù hợp về những thay đổi lớn đối với quy mô dự án cũng được chia sẻ với người bị ảnh hưởng.

75. Để hỗ trợ cho những yêu cầu trong đoạn 74, chính phủ nước thành viên đang phát triển và ADB có thể cùng nhau xây dựng các kế hoạch truyền thông cho các dự án và

¹⁵ Về yêu cầu chuẩn bị báo cáo đánh giá môi trường của ADB, xem ADB. 2002. *Chính sách môi trường*. Manila.

chương trình nhất định, đặc biệt là các dự án và chương trình có khả năng tạo được sự quan tâm cao của công chúng. Những kế hoạch đó có thể kiến nghị cách thức đối thoại với người bị ảnh hưởng, mở rộng khả năng tiếp cận thông tin về cải cách kinh tế và pháp luật, giúp chính phủ và các nhà tài trợ dự án thu hút sự tham gia của người bị ảnh hưởng vào việc thiết kế và thực hiện các hoạt động do ADB hỗ trợ và tăng cường sự tham gia của các tổ chức cơ sở và xã hội dân sự vào quá trình phát triển.¹⁶

76. Các tổ chức tư nhân và cơ quan thực hiện là một nhóm đa dạng với những năng lực khác nhau và ADB nói chung là phải linh hoạt khi làm việc với họ. Bản chất của các yêu cầu về bảo vệ môi trường và xã hội đối với đầu tư của khu vực tư nhân nói chung là giống với khu vực công. Chính sách an toàn của ADB yêu cầu các nhà tài trợ khu vực tư nhân đánh giá, quản lý, theo dõi, và công bố những tác động về xã hội và môi trường của dự án của mình. Chúng bao gồm các yêu cầu về việc các nhà tài trợ tư nhân phải sớm tiếp cận người bị ảnh hưởng và công bố kịp thời thông tin về dự án tới cộng đồng bằng hình thức dễ hiểu và dễ tiếp cận. Để đạt được mục tiêu này, nhà tài trợ dự án phải thông báo cho ADB, trước khi thẩm định, cách họ tiếp cận người bị ảnh hưởng.

v. Đánh giá môi trường

77. Theo các yêu cầu trong chính sách môi trường, ADB phải công bố công khai báo cáo tóm tắt đánh giá tác động môi trường cho dự án nhóm A hoặc tóm tắt kiểm tra sơ bộ về môi trường cho các dự án nhóm B có vẻ nhạy cảm về mặt môi trường ít nhất 120 ngày (i) trước khi Ban Giám đốc của ADB xem xét vốn vay, (ii) trước khi phê duyệt dự án nhóm A hoặc nhóm B có vẻ nhạy cảm về mặt môi trường hoặc (iii) trong những trường hợp phù hợp trước khi phê duyệt một thay đổi lớn về quy mô dự án,¹⁷ ADB phải công bố báo cáo đánh giá môi trường đầy đủ hoặc kiểm tra sơ bộ về môi trường cho các bên quan tâm theo yêu cầu.

78. Bên vay hoặc nhà tài trợ tư nhân phải công bố những thông tin phù hợp về các vấn đề môi trường của dự án cho người bị ảnh hưởng trước hoặc trong khi tham vấn các nhóm người bị ảnh hưởng và NGO địa phương theo yêu cầu của chính sách môi trường.¹⁸ Đối với dự án nhóm A, bên vay hoặc nhà tài trợ tư nhân phải bảo đảm rằng những thông tin đó phải được cung cấp cho người bị ảnh hưởng trong hai lần: (i) vào những giai đoạn đầu đánh giá tác động môi trường thực địa và (ii) khi dự thảo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã xong và trước khi thẩm định.

79. Đối với các dự án hoặc chương trình công có đầu tư cổ phần trong trung gian tài chính hoặc hạn mức tín dụng cho các tiểu dự án và yêu cầu phải có một hệ thống quản lý môi trường theo chính sách môi trường, thì RRP cho dự án đó phải bao gồm một phần mô tả hệ thống quản lý môi trường đó.

vi. Kế hoạch tái định cư

Theo Phần F2/BP về tái định cư không tự nguyện trong Sổ tay hoạt động, bên vay hoặc nhà tài trợ tư nhân phải công bố cho người bị ảnh hưởng:¹⁹

- (i) trước khi thẩm định – một dự thảo kế hoạch tái định cư;

¹⁶ Kế hoạch truyền thông sẽ nêu rõ mục tiêu, hình thức (gồm cả ngôn ngữ), phương pháp và thời gian chia sẻ thông tin; các bên hữu quan và những vấn đề trọng tâm. Các kế hoạch đó cũng bao gồm một quy trình để tiếp nhận phản hồi và ý kiến đóng góp và báo cáo về việc sử dụng các ý kiến đóng góp đó. Một số kế hoạch truyền thông có thể kêu gọi việc thành lập các trung tâm thông tin dự án. Nếu phù hợp, các đề xuất dự án sẽ bao gồm một mô tả và kế hoạch tài chính cho các trung tâm đó.

¹⁷ Những thay đổi lớn về quy mô dự án được nêu trong phần 5.04 của Hướng dẫn quản lý dự án.

¹⁸ Xem đoạn 63 trong Chính sách môi trường.

¹⁹ Xem ghi chú 3 trong phần F2/BP, Sổ tay hoạt động. Người bị ảnh hưởng trong phần F2/BP về tái định cư không tự nguyện, Sổ tay hoạt động, có thể là một phần trong tất cả những người bị ảnh hưởng trong dự án.

- (ii) sau khi hoàn thành kế hoạch tái định cư cuối cùng – kế hoạch đó; và
- (iii) sau những điều chỉnh đối với kế hoạch tái định cư theo thiết kế chi tiết hoặc thay đổi về quy mô dự án hoặc chương trình²⁰ – kế hoạch tái định cư sửa đổi.

80. Những thông tin từ các tài liệu quy định trong đoạn 80 có thể được cung cấp dưới dạng sách mỏng, tờ rơi hoặc sách nhỏ bằng tiếng địa phương. Đối với những người không biết chữ, sẽ có các phương pháp truyền thông phù hợp khác.

81. ADB phải công bố công khai:

- (i) trước khi thẩm định – một dự thảo kế hoạch tái định cư hoặc một khung tái định cư (hoặc cả hai);
- (ii) sau khi nhận được kế hoạch tái định cư cuối cùng – kế hoạch tái định cư cuối cùng, và
- (iii) sau khi nhận được kế hoạch tái định cư sửa đổi – kế hoạch tái định cư sửa đổi.

vii. Kế hoạch phát triển người bản địa

82. Bên vay hoặc nhà tài trợ tư nhân phải công bố cho người bị ảnh hưởng, những người là người bản địa dân tộc thiểu số:

- (i) trước khi thẩm định – một dự thảo kế hoạch phát triển người bản địa;
- (ii) sau khi hoàn thành kế hoạch phát triển người bản địa – kế hoạch phát triển người bản địa đó; và
- (iii) sau những điều chỉnh đối với kế hoạch phát triển người bản địa theo thiết kế chi tiết hoặc thay đổi về quy mô dự án hoặc chương trình²¹ – kế hoạch phát triển người bản địa sửa đổi.

83. Những thông tin từ các tài liệu quy định trong đoạn 83 có thể được cung cấp dưới dạng sách mỏng, tờ rơi hoặc sách nhỏ bằng tiếng địa phương. Đối với những người không biết chữ, sẽ có các phương pháp truyền thông phù hợp khác.

84. ADB phải công bố công khai:

- (i) trước khi thẩm định – một dự thảo kế hoạch phát triển người bản địa hoặc một khung phát triển người bản địa (hoặc cả hai);
- (ii) sau khi nhận được kế hoạch phát triển người bản địa cuối cùng – bản phát triển kế hoạch người bản địa cuối cùng; và
- (iii) sau khi nhận được kế hoạch phát triển người bản địa sửa đổi – kế hoạch phát triển người bản địa sửa đổi đó.

viii. Danh sách cơ hội kinh doanh

85. ADB phải công bố công khai một danh sách cơ hội kinh doanh cho mỗi dự án của khu vực công được chuẩn bị nhận tài trợ của ADB, từ khâu xác định đến khi Ban Giám đốc phê duyệt. ADB phải công bố công khai những thông báo mua sắm do cơ quan thực hiện ban hành và việc trao hợp đồng.

²⁰ Việc phổ biến kế hoạch hoặc khung này chỉ hạn chế đối với những người bị ảnh hưởng do thay đổi về quy mô.

²¹ Việc phổ biến kế hoạch hoặc khung này chỉ hạn chế đối với những người bị ảnh hưởng do thay đổi về quy mô.

ix. Đánh giá sơ bộ về đói nghèo và xã hội

86. Một đánh giá sơ bộ về đói nghèo và xã hội được tiến hành cho tất cả các dự án và chương trình đầu tư và chỉ rõ những người có thể hưởng lợi hoặc bị tác động tiêu cực bởi một dự án. ADB phải công bố công khai đánh giá này sau khi hoàn thành.

x. Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật

87. Một báo cáo hỗ trợ kỹ thuật là một kiến nghị để tài trợ cho một dự án hỗ trợ kỹ thuật. ADB phải công bố công khai tất cả các báo cáo hỗ trợ kỹ thuật ngay sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt (Ban Giám đốc, Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch của ADB).

xi. Các tài liệu được soạn thảo trong khuôn khổ hỗ trợ kỹ thuật

88. Một dự án hỗ trợ kỹ thuật đòi hỏi phải soạn thảo một số báo cáo nhất định, như nghiên cứu khả thi, thiết kế chi tiết dự án, tổng quan ngành và các báo cáo khác của tư vấn. ADB phải công bố công khai những báo cáo cuối cùng được tạo ra bởi hỗ trợ kỹ thuật đó sau khi chúng được hoàn thành. Thừa nhận thực tế là các nước đang ngày càng tìm kiếm tư vấn của ADB cho những vấn đề nhạy cảm thông qua hỗ trợ kỹ thuật tư vấn, ADB sẽ chấp nhận việc chính phủ từ chối công bố những báo cáo cuối cùng được tạo ra trong khuôn khổ hỗ trợ kỹ thuật tư vấn.²² ADB có thể công bố dự thảo các báo cáo quốc gia cụ thể hoặc các phần trong các báo cáo được chuẩn bị trong khuôn khổ hỗ trợ kỹ thuật cho những bên hữu quan trong nước nếu ADB xác định rằng những tài liệu đó là cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc thảo luận tham vấn hoặc quan hệ đối tác phát triển hoặc để đưa quan điểm vào thiết kế dự án.

xii. Báo cáo và kiến nghị của Chủ tịch

89. Báo cáo và kiến nghị của Chủ tịch (RRP) là một văn bản quyết định cho các dự án và chương trình hỗ trợ của ADB được trình lên để Ban Giám đốc phê duyệt. ADB phải công bố công khai RRP đối với khu vực công ngay sau khi Ban Giám đốc phê duyệt. ADB phải công bố công khai một tóm tắt bản RRP cho khu vực tư nhân ngay sau khi Ban Giám đốc phê duyệt; bản tóm tắt này phải lược bỏ các thông tin mật và đánh giá của ADB về rủi ro của dự án và rủi ro giao dịch.

xiii. Biên bản ghi nhớ quản lý dự án

90. Biên bản ghi nhớ quản lý dự án cho mỗi dự án hoặc chương trình vốn vay theo ngành của khu vực công bao gồm những thông tin cho phép bên vay, cơ quan điều hành, cơ quan thực hiện và ADB quản lý dự án. ADB phải công bố công khai biên bản ghi nhớ quản lý dự án sau khi phê duyệt.

xiv. Báo cáo theo dõi xã hội và môi trường

91. Một hiệp định vay vốn có thể yêu cầu phải có những báo cáo xã hội hoặc môi trường được chuẩn bị trong quá trình thực hiện dự án hoặc chương trình. ADB phải công bố công khai các báo cáo xã hội hoặc môi trường sau khi trình ADB. ADB phải yêu cầu các nhà tài trợ khu vực tư nhân công bố các báo cáo xã hội hoặc môi trường cho những người bị ảnh hưởng, ADB phải công bố công khai các báo cáo xã hội hoặc môi trường đã được công bố tới những người bị ảnh hưởng ở địa phương sau khi báo cáo đó được trình lên ADB.

²² Nhất quán với quy định của Chính sách về quy định phải công bố thông tin nếu không đảm bảo các điều kiện về bảo mật, bất kỳ việc bảo mật nào đối với những tài liệu đó phải dựa trên cơ sở các trường hợp ngoại lệ liệt kê trong đoạn 126 hoặc 127.

xv. Những thay đổi về quy mô dự án và chương trình

92. ADB phải công bố công khai những tài liệu liên quan tới những thay đổi lớn về quy mô dự án và chương trình được trình lên Ban Giám đốc sau khi sự thay đổi đó được phê duyệt.

xvi. Báo cáo tiến độ về các đợt cấp vốn

93. ADB phải công bố công khai các báo cáo tiến độ cấp vốn của các hoạt động cho vay theo chương trình cấp vốn nhiều lần của khu vực công sau khi Ban Giám đốc hoặc Ban Điều hành phê duyệt.

xvii. Các báo cáo hoàn thành dự án, hỗ trợ kỹ thuật và chương trình

94. ADB phải công bố công khai các báo cáo hoàn thành dự án, hỗ trợ kỹ thuật và chương trình sau khi chuyển đến Ban Giám đốc. Báo cáo hoàn thành đối với dự án của khu vực tư nhân phải báo cáo về việc đạt được mục tiêu phát triển.

d. Những thông tin khác liên quan đến chiến lược và chương trình và dự án

i. Đánh giá hoạt động

95. ADB phải công bố công khai một danh mục các đánh giá hoạt động dự kiến cho năm sau vào tháng 12 của năm trước. Tiêu chuẩn lựa chọn cho các đánh giá cũng phải được công bố công khai.

96. ADB thường xuyên đưa ra các báo cáo sau: Các báo cáo kiểm toán kết quả hoạt động của hỗ trợ kỹ thuật, nghiên cứu đánh giá tác động, đánh giá chương trình hỗ trợ quốc gia, đánh giá chương trình hỗ trợ ngành, và nghiên cứu đánh giá đặc biệt. ADB cũng phải công bố công khai những báo cáo đánh giá đó sau khi gửi tới Ban Điều hành và Ban Giám đốc. Nếu các báo cáo này được Ban về tính hiệu quả của phát triển (DEC) thảo luận thì ADB cũng phải công bố công khai tóm tắt của Chủ tịch DEC trong vòng hai tuần sau cuộc thảo luận đó. ADB cũng phải công bố công khai những phúc đáp của Ban Điều hành hoặc Vụ đánh giá hoạt động sau khi chúng hoàn thành, nếu có.

97. ADB cũng đưa ra các báo cáo đánh giá hàng năm. Một báo cáo tổng kết hàng năm các hoạt động đánh giá sẽ tóm tắt lại các hoạt động đánh giá và kết quả của Vụ đánh giá hoạt động. Một báo cáo hàng năm về kết quả hỗ trợ kỹ thuật và vốn vay sẽ đánh giá kết quả hoạt động các dự án của ADB trong năm đó. ADB phải công bố công khai những báo cáo đánh giá hàng năm sau khi Ban về tính hiệu quả của phát triển (DEC) thảo luận.

ii. Thông tin về đồng tài trợ

98. Hàng quý, ADB phải công bố công khai tóm tắt các dự án công cần đồng tài trợ thương mại. ADB phải công bố thông tin về đồng tài trợ chính thức – như các điều khoản và điều kiện chính cho một hỗ trợ kỹ thuật hoặc dự án đầu tư trong mỗi báo cáo hỗ trợ kỹ thuật hoặc RRP tương ứng. ADB phải cung cấp các thỏa thuận về pháp lý và tài chính đối với các đồng tài trợ chính thức đó theo yêu cầu nếu người đồng tài trợ không phản đối. ADB phải công bố công khai các thỏa thuận về nguồn tài trợ giữa ADB với bất kỳ nhà đồng tài trợ song phương hoặc đa phương nào sau khi ký kết nếu nhà đồng tài trợ không phản đối. Các thỏa thuận đồng tài trợ thương mại không được công bố công khai.

iii. Thông tin về chống tham nhũng

99. Định kỳ, ADB tiến hành điều tra các trường hợp bị cho là gian lận hoặc tham nhũng trong hoạt động của mình. ADB phải công bố công khai những thông tin thống kê liên quan tới kết quả điều tra đó. Ngoài ra, những kiến nghị và vấn đề quan trọng về kiểm toán cũng phải được đưa vào *Báo cáo hàng năm* của ADB. Nhất quán với chính sách chống tham nhũng của mình,²³ ADB có thể chia sẻ kết quả điều tra, bao gồm cả vấn đề điều tra và tên của các bên liên quan với chính phủ các nước thành viên ADB.

iv. Các thỏa thuận pháp lý về dự án và chương trình của khu vực công

100. Đối với các hiệp định vay vốn khu vực công, các thỏa thuận dự án và những sửa đổi mà ADB ký kết trước ngày 1/1/1995, ADB phải có sự đồng ý của chính phủ liên quan trước khi công bố những văn bản đó. Nếu chính phủ liên quan không thông báo phản đối việc công bố những văn bản đó trong vòng 30 ngày theo đề nghị của ADB thì ADB phải công bố những văn bản đó cho bất kỳ người đề nghị nào trong vòng 60 ngày.

101. ADB phải công bố các hiệp định vay vốn và thỏa thuận dự án ký kết trong khoảng thời gian giữa ngày 1/1/1995 và ngày có hiệu lực của Chính sách và bất kỳ sự sửa đổi nào đối với những hiệp định đó theo yêu cầu sau khi đã xử lý bất kỳ thông tin mật nào trong đó và xử lý theo quy định của chính phủ liên quan đưa ra lúc đàm phán các hiệp định và sửa đổi đó.

102. ADB phải công bố công khai các hiệp định vay vốn khu vực công, các hiệp định viện trợ không hoàn lại từ Quỹ Phát triển Châu Á và các thỏa thuận dự án ký kết sau ngày có hiệu lực của Chính sách cùng với và đồng thời với RRP tương ứng. ADB phải công bố công khai những văn bản đó sau khi đã xử lý các thông tin mật. Trong trường hợp có bất kỳ sự sửa đổi nào, ADB phải công bố công khai những sửa đổi đó trong vòng 2 tuần kể từ khi chúng có hiệu lực.

v. Các thỏa thuận pháp lý với khu vực tư nhân

103. ADB không công bố công khai những thỏa thuận pháp lý với của khu vực tư nhân mà ADB ký kết hoặc các sửa đổi đối với các thỏa thuận đó.

3. Những thông tin khác

a. Phân bổ nguồn vốn của Quỹ Phát triển Châu Á dựa trên cơ sở kết quả thực hiện

104. Chính sách về phân chia nhóm nước của ADB quy định những nước đủ tư cách đối với nguồn vốn của Quỹ Phát triển Châu Á (ADF).²⁴ Đối với các nước đủ tư cách, chính sách phân bổ vốn dựa trên cơ sở kết quả thực hiện xác định các nguyên tắc và tiêu chuẩn để hướng dẫn việc phân bổ vốn.²⁵ Đối với mỗi nước tiếp cận nguồn vốn của ADF, ADB phải công bố công khai việc đánh giá kết quả thực hiện trong báo cáo đánh giá kết quả thực hiện quốc gia. Hướng dẫn về đánh giá chính sách và thể chế quốc gia cũng được công bố công khai.

²³ ADB. 1998. Chống tham nhũng. Manila.

²⁴ ADB. 1998. *Một chính sách về phân chia nhóm nước đối với các nước thành viên đang phát triển của ADB*. Manila.

²⁵ ADB. 2004. *Chính sách phân bổ nguồn vốn ADF dựa trên cơ sở kết quả thực hiện*. Manila.

b. Dữ liệu và nghiên cứu kinh tế

105. ADB phải công bố công khai *Báo cáo hàng năm* cũng như *Triển vọng Phát triển Châu Á*, *Cập nhật Triển vọng Phát triển Châu Á* và *các chỉ số cơ bản* gồm những dữ liệu kinh tế và xã hội, các phân tích và dự báo kinh tế của mình.

106. ADB cũng phải công bố công khai một danh mục sâu rộng trực tuyến về sách, tài liệu hội nghị, ấn phẩm định kỳ, báo cáo, nghiên cứu và tài liệu tóm tắt về kỹ thuật chứa đựng các nghiên cứu, báo cáo và phân tích.

c. Thông tin hành chính và những thông tin khác

107. ADB phải công bố công khai những tài liệu sau đây:

- (i) Hiệp định thành lập Ngân hàng Phát triển Châu Á;
- (ii) Văn bản dưới luật của ADB;
- (iii) Quy định về thủ tục của Hội đồng thống đốc của Ngân hàng Phát triển Châu Á;
- (iv) Quy định về thủ tục của Ban Giám đốc điều hành của Ngân hàng Phát triển Châu Á; và
- (v) Hiệp định giữa Ngân hàng Phát triển Châu Á với Chính phủ nước Cộng hòa Philippines về Trụ sở trung tâm của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

108. ADB phải công bố công khai những thông tin sau đây:

- (i) Các nước thành viên ADB, vốn đóng góp và số lá phiếu của họ;
- (ii) Thành viên của Hội đồng thống đốc;
- (iii) Thành viên của Ban Giám đốc và nhóm bỏ phiếu của họ;
- (iv) Các Ủy ban của Ban Giám đốc và các thành viên;
- (v) Thành viên của Ban Điều hành của ADB và các cán bộ cao cấp;
- (vi) Cơ cấu tổ chức của ADB; và
- (vii) Thông tin liên hệ cho mỗi thành phần trên.

109. ADB phải công bố công khai bảng phân loại quốc gia sau khi Ban Giám đốc phê duyệt.

110. ADB phải công bố công khai khuôn khổ chương trình làm việc và ngân sách cho mỗi tài khóa sau khi Ban Giám đốc thảo luận.

111. ADB phải công bố công khai tóm tắt nội dung các cuộc họp hàng năm của mình, gồm cả các quyết định của Hội đồng thống đốc và các bài phát biểu của thống đốc trong vòng 60 ngày sau mỗi hội nghị thường niên. ADB cũng phải công bố theo yêu cầu các quyết định được Hội đồng thống đốc đưa ra bằng cách bỏ phiếu qua thư.

112. ADB phải công bố công khai (i) lịch và chủ đề thảo luận dự kiến của Ban Giám đốc trong 3 tuần tới (ii) các biên bản của mỗi cuộc họp thường xuyên của Ban Giám đốc sau khi Ban này phê duyệt các biên bản đó và không quá 60 ngày sau cuộc họp đó của Ban Giám đốc.

113. ADB phải công bố công khai những báo cáo của các ủy ban trong Ban Giám đốc trình lên Ban Giám đốc nếu ủy ban đó kiến nghị như vậy và Ban Giám đốc phê duyệt.

d. Thông tin tài chính

114. ADB phải công bố công khai các báo cáo tài chính đã kiểm toán đối với nguồn vốn thông thường, Quỹ Phát triển Châu Á, Quỹ Hỗ trợ kỹ thuật đặc biệt, Quỹ đặc biệt của Nhật Bản và các quỹ khác trước hội nghị thường niên của Hội đồng thống đốc.

115. Những thông tin sau phải được công bố công khai sau khi Ban Giám đốc phê duyệt:

- (i) Thảo luận và phân tích về nguồn vốn thông thường và các Quỹ Đặc biệt của ADB, gồm cả số liệu tài chính của mỗi quỹ;
- (ii) báo cáo ngắn gọn về tài chính hàng quý;
- (iii) báo cáo hàng năm về thanh toán vốn vay của các nước thành viên đang phát triển; và
- (iv) ngân sách của ADB cho mỗi năm tài khóa.

116. ADB phải công bố công khai bất cứ tài liệu nào liên quan tới chào bán trái phiếu ra công chúng khi luật hoặc quy định điều chỉnh thị trường tài chính liên quan quy định rằng các tài liệu chào bán đó phải nộp cho một cơ quan chính phủ.

e. Thông tin về việc làm

117. ADB phải công bố công khai (i) cơ cấu lương cơ bản của ADB, phương pháp luận được sử dụng để quyết định mức lương và phúc lợi của Ban quản lý và nhân viên và (ii) các mục tiêu và chiến lược chủ yếu trong việc tuyển dụng, thay thế, bố trí lại và giữ lại cán bộ. ADB cũng phải công bố công khai những mô tả các vị trí tuyển dụng ít nhất 2 tuần trước khi bố trí cán bộ vào vị trí đó. Mọi quyết định của Trọng tài hành chính của ADB phải được công bố công khai sau khi có quyết định đó.

f. Thông tin được tạo ra trong khuôn khổ Cơ chế giải trình trách nhiệm của ADB²⁶

i. Giai đoạn tham vấn

118. Hướng dẫn viên các dự án đặc biệt (SPF) phải công bố công khai những thông tin và tài liệu sau vào thời điểm và với sự đồng ý của các bên liên quan như sau:

- (i) thư khiếu nại – sau khi SPF xác định tính hợp lệ của khiếu nại và phải được sự nhất trí của người khiếu nại;
- (ii) xác nhận của SPF về tính hợp lệ của khiếu nại - sau khi có xác nhận của SPF về tính hợp lệ của khiếu nại;
- (iii) một bản mô tả tổng quát về khiếu nại - sau khi có xác nhận của SPF về tính hợp lệ của khiếu nại nếu người khiếu nại không đồng ý công bố thư khiếu nại;
- (iv) báo cáo xem xét và đánh giá do SPF chuẩn bị theo bước 4 trong giai đoạn tham vấn của cơ chế giải trình trách nhiệm (2003)— khi bắt đầu bước 7 trong giai đoạn tham vấn và phải được sự đồng ý của người khiếu nại, chính phủ và/hoặc nhà tài trợ khu vực tư nhân;
- (v) một bản mô tả tổng quát về quá trình hành động mà SPF và các bên liên quan tới quá trình tham vấn đã nhất trí để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong khiếu nại — khi bắt đầu bước 7 trong giai đoạn tham vấn và phải được sự đồng ý của người khiếu nại, chính phủ và/hoặc nhà tài trợ khu vực tư nhân;

²⁶ ADB. 2003. *Đánh giá chức năng thanh tra: Xây dựng một cơ chế giải trình trách nhiệm mới của ADB*. Manila.

- (vi) báo cáo tình hình thực hiện quá trình hành động đã nêu ở mục (iv) – theo bất kỳ lịch công bố nào đã được các bên liên quan đồng ý trong quá trình tham vấn;
- (vii) báo cáo cuối cùng của SPF — trong vòng 7 ngày sau khi báo cáo đó được gửi tới các bên và phải được sự đồng ý của người khiếu nại, chính phủ và/hoặc nhà tài trợ khu vực tư nhân;
- (viii) báo cáo theo dõi— sau khi gửi tới Ban Giám đốc và phải được sự đồng ý của người khiếu nại, chính phủ và/hoặc nhà tài trợ khu vực tư nhân; và
- (ix) báo cáo hàng năm của SPF — sau khi gửi tới Ban Giám đốc. Giai đoạn đánh giá tính tuân thủ.

ii. Giai đoạn đánh giá tính tuân thủ

119. Ban Xem xét việc tuân thủ quy định (CRP) phải ban hành²⁷ văn bản tư vấn báo chí trong vòng 7 ngày sau khi nhận được yêu cầu đánh giá sự tuân thủ với những thông tin cơ bản cần thiết. Nếu CRP xác định đề nghị đó là hợp lệ, CRP phải công bố công khai báo cáo của mình về tính hợp lệ và quyết định của Ban Giám đốc về thẩm quyền đánh giá sự tuân thủ trong vòng 7 ngày sau khi CRP nhận được quyết định của Ban này. Nếu CRP xác định đề nghị đó là không hợp lệ, CRP phải công bố công khai báo cáo của mình về tính hợp lệ trước khi chuyển báo cáo lên cho Ban Giám đốc. CRP cũng phải công bố công khai các điều khoản tham chiếu đánh giá trong vòng 14 ngày sau khi nhận được quyết định trao quyền đánh giá của Ban Giám đốc. CRP sẽ công bố công khai quyết định của Ban Giám đốc và báo cáo cuối cùng của CRP kèm theo bất kỳ phúc đáp nào đối với dự thảo báo cáo của Ban Điều hành và người yêu cầu trong 7 ngày sau khi có quyết định của Ban Giám đốc. CRP cũng phải công bố công khai các báo cáo theo dõi tình hình thực hiện bất kỳ hoạt động điều chỉnh nào đã được Ban Giám đốc phê duyệt sau khi gửi tới Ban Giám đốc và các bên hữu quan khác. Báo cáo hàng năm của CRP phải được công bố công khai trong vòng 4 tháng cuối hàng năm.

g. Thông tin liên quan đến đàm phán Quỹ Phát triển Châu Á

120. Nói chung, ADB phải công bố công khai những thông tin liên quan đến các cuộc đàm phán bổ sung và tổng kết giữa kỳ ADF. ADB công bố công khai những tài liệu thảo luận phi tài chính cho các cuộc họp của các nhà tài trợ sau khi đã gửi tài liệu đó cho các nhà tài trợ. ADB công bố công khai kết luận của chủ tọa sau mỗi cuộc họp. Báo cáo của các nhà tài trợ phải được công bố công khai sau khi có phê duyệt của Hội đồng thống đốc.

h. Các tài liệu khác trình lên Ban Giám đốc điều hành

121. ADB phải công bố công khai những tài liệu chuyển lên để Ban Giám đốc biết hoặc phê duyệt mà không quy định trong Chính sách trừ khi Ban Điều hành thông báo với Ban Giám đốc khác đi và Ban Giám đốc đồng ý.

4. Những ngoại lệ của quy định công bố

122. Các đoạn 126, 127, và 130 quy định những ngoại lệ của quy định phải công bố thông tin nếu không đảm bảo các điều kiện về bảo mật của ADB. Nếu thông tin bị lược bỏ khỏi một tài liệu mà nằm trong diện ngoại lệ hoặc nếu một tài liệu theo quy định trong Chính sách là không công bố công khai, ADB phải công bố công khai tham chiếu cho thông tin đã bị lược bỏ và/hoặc tài liệu đã bị cắt, trừ khi bản thân việc trích dẫn thông tin hoặc tài liệu bị lược bỏ đó là vi phạm quy định ngoại lệ.

²⁷ Những tài liệu do Ban Xem xét việc tuân thủ quy định (CRP) được đưa trên <http://www.compliance.adb.org>

123. Nếu chỉ có một phần trong tài liệu phải tuân thủ yêu cầu không công bố trong danh mục ngoại lệ thì bất kỳ thông tin nào trong tài liệu đó mà không phải tuân thủ yêu cầu không công bố phải được thông tin tới người yêu cầu nếu ở chừng mực nhất định những thông tin còn lại thỏa mãn được yêu cầu.

124. ADB sẽ không buộc phải tuân thủ hoặc đáp ứng những yêu cầu lặp đi lặp lại hoặc không hợp lý về cùng một chủ đề từ cùng một người, một tổ chức hoặc một nhóm nếu ADB đã cung cấp thông tin đó trong lần đề nghị trước hoặc đã đưa ra lý do tại sao không thể cấp thông tin đó rồi.

a. Thông tin hiện hành

125. Cho dù với bất kỳ điều khoản nào khác trong Chính sách đi chăng nữa, thì những thông tin sau đây cũng không được công bố công khai:

1. Những thông tin nội bộ, nếu được công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại tính liên chính trong quá trình thảo luận và ra quyết định của ADB do nó sẽ cản trở việc trao đổi thông tin và ý tưởng, bao gồm cả các tài liệu nội bộ, biên bản ghi nhớ và những thông tin khác gửi tới và nhận được từ Giám đốc điều hành, Giám đốc điều hành phụ khuyết, các Cố vấn của Giám đốc điều hành, thành viên Ban Điều hành, cán bộ ADB và tư vấn của ADB.
2. Những thông tin được trao đổi, chuẩn bị hoặc có được từ quá trình thảo luận và ra quyết định giữa ADB và các thành viên của mình và các tổ chức khác mà ADB hợp tác, nếu được công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại tính liên chính trong quá trình thảo luận và ra quyết định giữa ADB và các thành viên của mình và các tổ chức khác mà ADB hợp tác do nó sẽ cản trở việc trao đổi thông tin và ý tưởng, đặc biệt là trong đối thoại về chính sách với các nước thành viên đang phát triển.
3. Những thông tin riêng nhận được từ một chính phủ hoặc một tổ chức quốc tế, nếu được công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại lớn tới quan hệ của ADB với chính phủ hoặc tổ chức đó.
4. Hồ sơ cá nhân, gồm cả các điều kiện làm việc, đánh giá kết quả làm việc và những thông tin về sức khỏe của Giám đốc điều hành, Giám đốc điều hành phụ khuyết, các Cố vấn của Giám đốc điều hành, thành viên Ban Điều hành, cán bộ ADB và tư vấn của ADB cũng như các biên bản về cơ chế khiếu nại và điều tra nội bộ, trừ khi được quy định về cán bộ, quy định và quy chế về Ban Giám đốc cho phép.
5. Những dự toán về các khoản đi vay trong tương lai, dự báo về tài chính, các dữ liệu về các quyết định đầu tư riêng lẻ đối với các hoạt động kho bạc của ADB và các bản đánh giá về tín dụng.
6. Phân tích về mức độ tin cậy về tín dụng và xếp hạng tín dụng quốc gia.
7. Các biên bản của Ban Giám đốc điều hành,²⁸ trừ biên bản các cuộc họp được đề cập trong đoạn 113 và những bản tóm tắt đã đề cập trong đoạn 65 và 67.
8. Những thông tin mà một bên cung cấp cho ADB, nếu công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại lớn đến lợi ích thương mại, lợi ích tài chính và/hoặc vị thế cạnh tranh của bên đó.

²⁸ ADB có các biên bản cho mỗi cuộc họp Ban Giám đốc chính thức. Những biên bản này được lưu giữ tại lưu trữ của ADB.

9. Những thông tin mật về công việc.
10. Những thông tin liên quan đến quá trình đấu thầu, bao gồm cả thông tin sơ tuyển do các nhà thầu tiềm năng nộp, các đề xuất hoặc báo giá.
11. Những thông tin, nếu công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm nguy hại đến cuộc sống, sức khỏe hoặc sự an toàn của bất cứ cá nhân nào.
12. Những thông tin, nếu công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại lớn đến việc thực thi công lý.
13. Những thông tin là đặc quyền của luật sư và khách hàng hoặc việc tiết lộ những thông tin đó sẽ làm tổn hại một cuộc điều tra.
14. Nguồn tin của một vụ bị buộc tội là tham nhũng.
15. Tên những người bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ (danh sách đen) hoặc đang bị điều tra theo chính sách chống tham nhũng.
16. Các báo cáo kiểm toán do Văn phòng tổng kiểm toán (ngoại trừ các báo cáo kiểm toán liên quan đến đấu thầu) và kiểm toán độc lập của ADB chuẩn bị.
17. Những thông tin, nếu công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại lớn đến quốc phòng hoặc an ninh quốc gia của một thành viên.
18. Những thông tin tài chính, nếu công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại lớn đến khả năng quản lý nền kinh tế của một chính phủ nước thành viên.
19. Những thông tin, nếu công bố, sẽ hoặc sẽ có khả năng vi phạm luật áp dụng, gồm cả luật về bản quyền.

b. Thông tin lịch sử

126. ADB phải cung cấp theo yêu cầu những thông tin lịch sử sau 20 năm kể từ khi thông tin đó được ban hành, trừ các ngoại lệ sau:

1. Những thông tin là đặc quyền của luật sư và khách hàng hoặc việc tiết lộ những thông tin đó có thể làm tổn hại một cuộc điều tra.
2. Những thông tin được cung cấp riêng cho ADB với hàm ý rằng nó phải được giữ bí mật và rằng nếu bị tiết lộ thì sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại lớn đến quan hệ của ADB với bên cung cấp thông tin hoặc sẽ vi phạm luật hoặc vi phạm một thỏa thuận pháp lý.
3. Nguồn tin của một vụ bị buộc tội là tham nhũng.
4. Tên những người bị tuyên bố là không đủ tư cách hợp lệ (danh sách đen) hoặc đang bị điều tra theo chính sách chống tham nhũng.
5. Những thông tin, nếu công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại lớn đến quốc phòng hoặc an ninh quốc gia của một thành viên.
6. Những thông tin, nếu công bố, sẽ hoặc sẽ có khả năng vi phạm luật áp dụng, gồm cả luật về bản quyền.

7. Hồ sơ cá nhân, gồm cả các điều kiện làm việc, đánh giá kết quả làm việc và những thông tin về sức khỏe của Giám đốc điều hành, Giám đốc điều hành phụ khuyết, các Cố vấn của Giám đốc điều hành, thành viên Ban Điều hành, cán bộ ADB và tư vấn của ADB cũng như các biên bản về cơ chế khiếu nại điều tra nội bộ, trừ khi được quy định về cán bộ, Nghị quyết của Hội đồng thống đốc cho phép.
8. Bí mật thương mại.
9. Những thông tin tài chính, nếu công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại lớn đến khả năng quản lý nền kinh tế của một chính phủ nước thành viên.
10. Những thông tin, nếu công bố, sẽ hoặc chắc sẽ làm tổn hại lớn đến việc thực thi công lý.

127. Những thông tin không được công bố công khai vào lúc ban hành nhưng nếu theo quy định trong Chính sách sẽ được công bố công khai thì phải được công bố theo yêu cầu tùy theo quyết định của ADB, tuân theo các điều khoản và điều kiện trong Chính sách và những ngoại lệ của nó.

128. ADB có thể công bố những thông tin liệt kê trong đoạn 126 (1) và (2) và đoạn 127, nếu ADB xác định rằng lợi ích của công chúng có được nhờ việc công bố thông tin đó sẽ lớn hơn nhiều so với tác hại mà việc công bố đó có thể gây ra hoặc nếu một nước thành viên yêu cầu làm như vậy theo luật của riêng họ. ADB cũng có thể công bố bất kỳ thông tin nào liệt kê trong đoạn 126, nếu ADB xác định rằng lợi ích của công chúng có được nhờ việc công bố thông tin đó sẽ lớn hơn nhiều so với tác hại mà việc công bố đó có thể gây ra hoặc nếu một nước thành viên yêu cầu làm như vậy theo luật của riêng họ.²⁹

129. Tuy nhiên cho dù đoạn 129 quy định như vậy, nhưng ADB sẽ không công bố những thông tin liệt kê trong đoạn (i) nếu ADB đã có một cam kết pháp lý riêng với một bên là giữ bí mật thông tin đó trừ khi bên đó đồng ý hoặc (ii) nếu bất kỳ luật áp dụng nào cấm việc tiết lộ thông tin đó.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

A. Vai trò và trách nhiệm

130. Mục đích của Chính sách là tăng cường lòng tin của các bên hữu quan và khả năng tham gia của họ với ADB. Tất cả các vụ và văn phòng sẽ chịu trách nhiệm thực hiện Chính sách. Vai trò và trách nhiệm của Ban Điều hành và cán bộ của ADB được liệt kê dưới đây.

1. Ban Điều hành

131. Ban Điều hành sẽ thể hiện cam kết tăng cường quan hệ đối ngoại của mình bằng việc tăng cường sự tham gia của mình với các đối tượng bên ngoài và cơ quan thông tin đại chúng, và khuyến khích toàn bộ cán bộ nhân viên của mình tích cực tham các hoạt động đối ngoại. Ban Điều hành thông qua các cuộc họp thường xuyên của Ban Điều hành sẽ xác định và cập nhật các cách tiếp cận quan hệ đối ngoại – lĩnh vực ưu tiên, những thông điệp chủ yếu, cơ hội tiếp cận – và lãnh đạo, theo dõi việc thực hiện các cách tiếp cận đó nhằm bảo đảm tác động tối đa. Ban Điều hành sẽ đẩy mạnh công tác truyền thông cởi mở và hiệu quả trong nội bộ để bảo đảm rằng cán bộ ở tất cả các cấp hiểu rõ quan điểm và cách nhìn của Ban Điều hành.

²⁹ “Lợi ích lớn hơn cho công chúng” có thể đạt được nhờ một yêu cầu về thông tin cho biết rõ rủi ro nghiêm trọng đối với an toàn công cộng hoặc môi trường chẳng hạn.

2. Toàn bộ các vụ và văn phòng

132. Tất cả các vụ và văn phòng của ADB sẽ phải chịu trách nhiệm thực hiện Chính sách. Với tư cách là các nhà truyền thông chính, lãnh đạo các vụ và văn phòng sẽ chủ động truyền thông tới các đối tượng bên ngoài và đi đầu trong những nỗ lực củng cố quan hệ đối ngoại của ADB, tăng cường sự hiểu biết về động cơ và mục tiêu của ADB và xây dựng lòng tin của các bên hữu quan đối với tổ chức này. Cán bộ của các vụ chức năng sẽ đóng vai trò chủ yếu trong việc giao tiếp với các bên hữu quan cụ thể của dự án và bảo đảm đáp ứng được các yêu cầu công bố thông tin. Họ sẽ tìm cách để bảo đảm rằng những người từ khu vực công, khu vực tư nhân và phi lợi nhuận mà họ giao tiếp hiểu Chính sách và nhận thức được quyền tiếp cận của công chúng đối với thông tin của ADB theo Chính sách này.

3. Văn phòng Quan hệ Đối ngoại

133. Trong khi Ban Điều hành và tất cả các vụ và văn phòng của ADB, gồm cả văn phòng đại diện và các cơ quan đại diện thường trú, sẽ chịu trách nhiệm thực hiện Chính sách, thì Văn phòng Quan hệ Đối ngoại (OER) sẽ chịu trách nhiệm chung về việc thực hiện và áp dụng không ngừng Chính sách này. Để bảo đảm các cách tiếp cận đối với quan hệ đối ngoại được phối hợp tốt, công việc của các văn phòng đại diện sẽ được liên kết vào OER. Để nâng cao hình ảnh của quan hệ đối ngoại trong ADB và quản lý một cách hiệu quả khối lượng nhiệm vụ tăng lên, OER sẽ được nâng cấp thành một vụ và làm việc dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Điều hành. Để tối đa hóa ảnh hưởng của nó trong phạm vi nguồn lực hiện có, vụ này sẽ xác định rất rõ ràng vai trò của mình và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các chức năng của mình dựa trên cơ sở các định hướng mang tính chiến lược mới được thảo luận trong Chính sách này.

134. Trong vòng 3 tháng sau khi Chính sách được phê duyệt, OER sẽ xây dựng kế hoạch hành động và khuôn khổ theo dõi chi tiết để hướng dẫn và đánh giá việc thực hiện thành phần quan hệ đối ngoại trong chiến lược này.

a. Công bố

135. Một tổ thông tin và công bố công khai mới (InfoUnit) trong OER sẽ tư vấn và giải thích chính sách cho tất cả các vụ và văn phòng của ADB và theo các yêu cầu công bố của Chính sách. InfoUnit cũng sẽ thiết kế và tiến hành đào tạo bắt buộc cho cán bộ chức năng về các yêu cầu công bố của Chính sách và sẽ xây dựng các hệ thống cảnh báo và khuyến khích nhân viên để bảo đảm rằng ADB tuân thủ Chính sách. Tổ cũng hỗ trợ các vụ chức năng xây dựng các kế hoạch truyền thông cho các chiến lược, chương trình và dự án. Tổ sẽ trực tiếp hỗ trợ công việc của Ban tư vấn về công bố công khai (PDAC), và trình các báo cáo theo dõi về tiến độ thực hiện Chính sách lên PDAC (xem đoạn 151). InfoUnit sẽ thường xuyên cập nhật danh sách các tài liệu hoạt động do ADB biên soạn và duy trì việc công bố công khai các tài liệu hoạt động. Tổ cũng duy trì một hệ thống theo dõi các đề nghị cung cấp thông tin theo các yêu cầu của Chính sách.

136. Sẽ thành lập nhóm trang tin điện tử của OER và nhóm sẽ duy trì một hệ thống thông báo bằng thư điện tử giúp người sử dụng chỉ ra những loại thông tin họ quan tâm và nhận được các thông báo qua thư điện tử khi tài liệu đó đã có.

137. OER sẽ khuyến khích một nền văn hóa cởi mở trong cán bộ nhân viên của ADB và tìm cách xây dựng các biện pháp khuyến khích chia sẻ thông tin một cách chủ động.

b. Dịch thuật

138. Để tham vấn các bên hữu quan, trong vòng 6 tháng sau khi Chính sách được phê duyệt, InfoUnit sẽ chuẩn bị một khuôn khổ dịch thuật. Khuôn khổ này sẽ phác thảo những

cách mà ADB mở rộng mức độ công bố bằng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh, ngôn ngữ làm việc của ADB.

139. InfoUnit cũng sẽ điều phối công việc dịch thuật trong ADB, lập một hồ sơ tập trung về các nỗ lực dịch thuật trong toàn ADB và duy trì một cơ sở dữ liệu về phiên dịch có năng lực về các ngôn ngữ được các thành viên của ADB sử dụng. InfoUnit sẽ quảng bá các dịch vụ dịch thuật sẵn có cho các vụ và văn phòng của ADB.

c. Các sổ tay về chính sách truyền thông

140. OER sẽ biên soạn một cuốn sổ tay về chính sách truyền thông với các trình tự từng bước một để hướng dẫn cán bộ của ADB công bố công khai những thông tin và tài liệu về hoạt động. Sổ tay cán bộ cũng sẽ được phát tới tay Ban Điều hành và các cán bộ ADB. Một sổ tay riêng sẽ được xây dựng để hướng dẫn các chính phủ bên vay của ADB và các nhà tài trợ dự án của khu vực tư nhân thực hiện Chính sách này. OER sẽ cập nhật những hướng dẫn về thông tin đại chúng của mình để làm rõ và tinh giản hơn nữa các thủ tục truyền thông với phương tiện thông tin đại chúng. Tất cả các sổ tay này sẽ được công bố công khai khi có (xem đoạn 68).

d. Mạng lưới các Trung tâm Thông tin công khai

141. Trong năm đầu thực hiện Chính sách, OER sẽ đánh giá lại chương trình thư viện lưu trữ của ADB và xây dựng một chiến lược nâng cấp các trung tâm thông tin công khai của ADB. Chiến lược và chương trình cho các trung tâm thông tin công khai sẽ được hoàn chỉnh trong vòng 2 năm sau ngày Chính sách có hiệu lực.

142. Chiến lược này có thể bao gồm việc ADB thành lập và/hoặc tham gia vào các trung tâm thông tin trong mối quan hệ đối tác với các tổ chức quốc tế khác. Nó cũng sẽ xác định các cách mà theo đó các tổ chức xã hội dân sự như các NGO và các tổ chức nghiên cứu phi chính phủ có thể được sử dụng để phổ biến thông tin về các hoạt động do ADB hỗ trợ.

4. Các văn phòng đại diện và các cơ quan đại diện thường trú

143. Các văn phòng đại diện và các cơ quan đại diện thường trú đóng vai trò quan trọng “hàng đầu” trong việc xây dựng và duy trì hình ảnh của ADB do họ gần với các đối tượng mục tiêu, họ có chuyên môn về hoạt động và kinh tế và sự hiểu biết về thực tế văn hóa và truyền thông đặc trưng của đất nước hoặc khu vực mà họ đang làm việc.

144. Những người đứng đầu các văn phòng đại diện và cơ quan đại diện thường trú là các nhà truyền thông chính của ADB và có nhiệm vụ mở rộng và củng cố sự tương tác của ADB với các cơ quan thông tin đại chúng, các nhà lãnh đạo dư luận và các nhà ra quyết định ở nước họ hoặc khu vực. ADB cũng nên giao cho các cá nhân có chuyên môn về hoạt động, kỹ năng truyền thông và thái độ đúng mực để thực hiện những trách nhiệm này.

145. ADB sẽ tăng dần số cán bộ quan hệ đối ngoại tại các cơ quan đại diện thường trú.³⁰ Những cán bộ quan hệ đối ngoại này sẽ hỗ trợ và tư vấn về nghiệp vụ cho những người đứng đầu cơ quan đại diện thường trú hoặc văn phòng. Họ sẽ là một bộ phận cấu thành trong đội ngũ quản lý cơ quan đại diện thường trú và sẽ nhận thức được một cách đầy đủ tất cả các hoạt động của cơ quan. Sẽ có mô tả công việc và trình độ chuyên môn phù hợp cho cán bộ quan hệ đối ngoại của cơ quan đại diện thường trú và họ sẽ được đào tạo theo cơ cấu và thường xuyên.

³⁰ Hiện tại, 5 trong số 30 cơ quan đại diện thường trú của ADB có cán bộ quan hệ đối ngoại ở cấp cán bộ quốc gia (Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Ấn Độ, Inđônêxia, Nêpan và Philippines).

146. Trách nhiệm chính của những cán bộ quan hệ đối ngoại của cơ quan đại diện thường trú sẽ gồm thiết lập và phát triển quan hệ với nhiều nhóm khác nhau thuộc khu vực công và khu vực tư nhân để tạo điều kiện thuận lợi cho các mối quan hệ qua lại với cán bộ cao cấp của ADB, bảo đảm sự tiếp cận thường xuyên của cơ quan thông tin đại chúng trong nước và quốc tế với các đại diện và thông tin của ADB; hỗ trợ cán bộ của cơ quan đại diện thường trú thực hiện các khía cạnh công bố của chiến lược này; giúp đỡ công chúng của quốc gia hiểu những yêu cầu của Chính sách này; và theo dõi tin tức địa phương, trong nước và quốc tế bằng tiếng Anh và tiếng địa phương để bao quát những vấn đề mà ADB quan tâm.

147. Để cải thiện tính phù hợp và tối đa hóa việc chia sẻ thông tin, một mạng lưới quan hệ đối ngoại bao gồm các cán bộ quan hệ đối ngoại của các văn phòng đại diện, các cơ quan đại diện thường trú và OER sẽ được thiết lập và thường xuyên gặp gỡ nhau thông qua cầu truyền hình (và hàng năm gặp trực tiếp). Cán bộ quan hệ đối ngoại của cơ quan đại diện thường trú sẽ có hai kênh báo cáo: Lên giám đốc quốc gia và OER.

148. Các cơ quan đại diện thường trú và văn phòng đại diện sẽ điều phối việc dịch các tài liệu và đánh giá tính chính xác của các bản dịch, nếu cần.

5. Bên vay và các nhà tài trợ dự án tư nhân

149. Đối với các dự án của ADB, phần lớn trách nhiệm công bố thông tin là thuộc về chính phủ bên vay hoặc nhà tài trợ tư nhân. Bên vay làm việc chặt chẽ với cán bộ của các vụ chức năng để quy định các đầu mối trong vùng dự án để đối thoại với người bị ảnh hưởng về dự án (đoạn 74). Các đầu mối dự án có thể sử dụng trang tin điện tử của ADB để tiếp cận các thông tin liên quan của dự án và của quốc gia và để công bố thông tin cho các bên liên quan, sử dụng những cơ chế cung cấp phù hợp về mặt văn hóa và mang tính địa phương.

6. Ban tư vấn về công bố công khai

150. ADB sẽ thành lập một Ban tư vấn về công bố công khai (PDAC) với tư cách là cơ quan giám sát để giải thích, theo dõi và xem xét lại các yêu cầu công bố của Chính sách này. PDAC sẽ bao gồm Tổng giám đốc điều hành (trưởng ban), Giám đốc chính của OER, thư ký và luật sư và Ban sẽ báo cáo trực tiếp lên Chủ tịch. Ban sẽ được triệu tập khi cần để xem xét những đề nghị cung cấp thông tin mà các vụ hoặc văn phòng khác của ADB đã từ chối.

151. PDAC đóng góp cho báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông (đoạn 162) bằng việc đánh giá các thành phần công bố của Chính sách. Báo cáo hàng năm này sẽ bao gồm một bản tóm tắt các trường hợp từ chối cấp thông tin cho công chúng cũng như bất kỳ kiến nghị thay đổi nào đối với Chính sách này, Sổ tay hoạt động hoặc cơ cấu tổ chức hỗ trợ việc công bố công khai thông tin của ADB.

B. Các trình tự tiếp cận thông tin

1. Công bố chủ động

152. Các đề nghị cung cấp thông tin được xác định là loại thông tin được công bố công khai trong Chính sách có thể được chuyển tới ADB bằng lời hoặc văn bản. Tuy nhiên, thời hạn nêu trong đoạn 157 sẽ chỉ tính từ khi ADB nhận được đề nghị bằng văn bản. Các đề nghị này có thể được chuyển tới InfoUnit, cơ quan đại diện thường trú hoặc văn phòng đại diện hoặc một vụ chức năng. Bất kỳ một cán bộ nào của ADB cũng phải cung cấp những tài liệu đó một cách nhanh chóng và thực tế, có thể bao gồm cả việc hướng dẫn người đề nghị kết nối tới trang tin điện tử phù hợp nếu tài liệu đó có trên trang tin điện tử của ADB và người đề nghị có khả năng tiếp cận Internet.³¹

³¹ Một trình tự để thu hồi chi phí sẽ được trình bày chi tiết trong sổ tay của cán bộ về chính sách truyền thông.

2. Các đề nghị đối với thông tin ngoại lệ

153. Đối với thông tin và tài liệu theo quy định của Chính sách là không được công bố công khai, các đề nghị cung cấp thông tin phải dưới dạng văn bản (thư điện tử, thư tín, dạng phản hồi Internet hoặc fax). Các đề nghị này có thể được chuyển tới InfoUnit hoặc cơ quan đại diện thường trú hoặc văn phòng đại diện liên quan. Những thông tin liên hệ chi tiết của các văn phòng trên phải được công bố công khai.

154. Trong trường hợp một đề nghị cung cấp thông tin liên quan tới một hoạt động do ADB hỗ trợ tại một nước thành viên đang phát triển, thì vụ chức năng liên quan phải xác định xem tài liệu đó có những thông tin có thể không được công bố công khai theo quy định ngoại lệ không (đoạn 123-130), và phải xin ý kiến chính phủ, nhà tài trợ dự án hoặc đồng tài trợ, nếu có. Khi một thông tin nào đó trong tài liệu có vẻ là mật theo quy định ngoại lệ của Chính sách thì vụ chức năng phải cất bỏ thông tin mật đó trước khi công bố tài liệu và ghi chú tham chiếu tới tài liệu đó (cùng lý do bị cất bỏ). Cán bộ của InfoUnit thuộc OER phải hướng dẫn các vụ khác hiểu rõ Chính sách này, nếu cần.

3. Ngôn ngữ sử dụng trong đề nghị cung cấp thông tin

155. Đề nghị cung cấp thông tin có thể gửi đến ADB bằng tiếng Anh hoặc bất kỳ ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ quốc gia của các thành viên ADB. Những đề nghị cung cấp thông tin bằng các ngôn ngữ khác không phải tiếng Anh có thể được gửi tới cơ quan đại diện thường trú liên quan hoặc InfoUnit.

4. Thời hạn trả lời đề nghị cung cấp thông tin hiện hành

156. ADB phải thông báo đã nhận được một đề nghị (như quy định trong đoạn 153 và 154) trong vòng 5 ngày làm việc. ADB phải thông báo cho người đề nghị ngay sau khi có quyết định trong bất kỳ trường hợp nào cũng không quá 30 ngày sau khi nhận được đề nghị. Khi trả lời, ADB phải cung cấp thông tin theo yêu cầu hoặc lý do vì sao đề nghị bị từ chối, chỉ rõ điều khoản cụ thể trong Chính sách luận chứng cho sự từ chối đó. ADB phải công bố công khai danh sách các đề nghị đã được xem xét và những quyết định và lý do tương ứng.

5. Khiếu nại

157. Nếu một người đề nghị tin rằng đề nghị của mình bị từ chối một cách bất hợp lý hoặc Chính sách được hiểu không đúng thì có thể gửi đề nghị xem xét lại bằng văn bản lên Ban tư vấn về công bố công khai, Ngân hàng Phát triển châu Á, theo địa chỉ sau: Public Disclosure Advisory Committee, Asian Development Bank, 6 ADB Avenue, Mandaluyong City, 1550 Metro Manila, Philippines, hoặc bằng thư điện tử tới pdac@adb.org, hoặc bằng fax: +63 2 636 2640.

158. Trong vòng 5 ngày làm việc, PDAC phải thông báo đã nhận được đề nghị. PDAC sẽ triệu tập họp ngay khi có thể để xem xét khiếu nại. Khi xem xét việc từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu, PDAC sẽ xem xét những ngoại lệ đối với công bố công khai thông tin của Chính sách cũng như lợi ích của công chúng trong việc công bố thông tin được yêu cầu. PDAC phải thông báo quyết định bằng văn bản của mình cho người đề nghị ngay sau khi có quyết định trong bất kỳ trường hợp nào nhưng cũng không quá 30 ngày sau khi nhận được đề nghị. PDAC công bố công khai một danh mục tất cả các đề nghị đó, bản chất của mỗi đề nghị và quyết định cho mỗi trường hợp, cập nhật không chậm hơn 2 tuần sau khi có đề nghị hoặc quyết định.

6. Các đề nghị cung cấp thông tin lịch sử

159. Những thông tin lịch sử được cung cấp theo yêu cầu như quy định trong đoạn 127-129 của Chính sách. Những đề nghị đó có thể được gửi bằng văn bản cho Phòng Nguồn và Dịch vụ thông tin, Ngân hàng Phát triển châu Á, theo địa chỉ sau: Information Resources and Services Section, Asian Development Bank, 6 ADB Avenue, Mandaluyong City, 1550 Metro Manila, Philippines, hoặc gửi thư điện tử tới adblibrary@adb.org, hoặc fax tới +63 2 632 5020. Những đề nghị cung cấp thông tin lịch sử phải xác định rõ thông tin cụ thể được yêu cầu; những đề nghị chung chung về tiếp cận thông tin lịch sử sẽ không được chấp nhận. Trong vòng 5 ngày làm việc, ADB phải thông báo đã nhận được đề nghị và phải trả lời những đề nghị cung cấp thông tin lịch sử trong vòng 30 ngày. Thời hạn có thể được kéo dài thêm nếu đề nghị yêu cầu cung cấp một khối lượng lớn thông tin.

C. Ngày có hiệu lực và giai đoạn chuyển đổi

160. Chính sách sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 9 năm 2005. Đối với những hoạt động chưa bắt đầu hoặc mới bắt đầu chuẩn bị, sẽ áp dụng tất cả các yêu cầu về công bố thông tin của Chính sách. Đối với các chính sách, chiến lược và chương trình đã hoàn thành Hợp xem xét của Ban Điều hành vào ngày có hiệu lực của Chính sách, các yêu cầu về công bố thông tin của Chính sách sẽ chỉ áp dụng đối với những phần điều chỉnh hoặc cập nhật. Đối với các dự án hoặc chương trình đã hoàn thành thẩm định vào ngày có hiệu lực của Chính sách, các yêu cầu về công bố thông tin của Chính sách sẽ không áp dụng đối với giai đoạn chuẩn bị trước khi Ban Giám đốc phê duyệt dự án hoặc chương trình, nhưng phải áp dụng đối với giai đoạn thực hiện và hoàn thành của dự án. Trong vòng hai năm sau ngày Chính sách có hiệu lực, ADB phải công bố công khai PID cho tất cả các dự án do ADB hỗ trợ đang được thực hiện. Trong năm đầu kể từ khi Chính sách có hiệu lực, ADB phải công bố công khai PID của ít nhất 50% các dự án do ADB hỗ trợ đang thực hiện.

D. Theo dõi và đánh giá

161. ADB sẽ theo dõi việc thực hiện Chính sách và đánh giá tác động của nó. ADB phải công bố công khai kết quả theo dõi các hoạt động thông tin của mình trong báo cáo hàng năm. Phụ lục 2 phác thảo khung đánh giá kết quả hoạt động của Chính sách.

162. ADB dành cơ hội cho các bên hữu quan nêu vấn đề, tiếp cận thông tin và tham gia một cách có hiệu quả với ADB trong việc thực hiện Chính sách. Nếu cần, ADB sẽ không tiết lộ tên các cá nhân hoặc nhóm nêu lên những quan ngại về việc thực hiện Chính sách.

E. Đánh giá và sửa đổi

163. ADB có thể phải đánh giá và sửa đổi những điều khoản trong Chính sách để phản ánh kinh nghiệm thực hiện, kết quả đánh giá các chính sách và chiến lược khác của ADB và nhân rộng các thông lệ công bố thông tin ở những nơi khác. Cần phải có tính linh hoạt để định kỳ tiếp thu những thay đổi đó. Theo đó, ADB có thể điều chỉnh hoặc sửa đổi Chính sách, nếu cần, theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc.

164. Khi Chính sách quy định những yêu cầu công bố thông tin mới cho các chính sách hoặc chiến lược của ADB, những phần về Sổ tay hoạt động của những chính sách hoặc chiến lược đó sẽ được cập nhật trong vòng 6 tháng sau khi Chính sách được phê duyệt.

165. Sau một thời gian, không quá 5 năm kể từ ngày Chính sách có hiệu lực, ADB phải tiến hành một đánh giá toàn diện. Đánh giá này sẽ có sự tham gia tích cực của các cá nhân và tổ chức có quan tâm.

VII. TÁC ĐỘNG TỚI NHÂN SỰ VÀ NGUỒN LỰC

166. Việc thực hiện thành công Chính sách này sẽ đặt ra nhiều thách thức đối với nhiều cán bộ của ADB và tốn thêm chi phí. Việc chuyển mạnh sang hướng cởi mở hơn, công bố đầy đủ hơn và chia sẻ thông tin chủ động hơn là một trách nhiệm lớn của ADB, và các quy trình và hành động quan trọng nêu trong những đoạn trên đòi hỏi phải có thêm nguồn lực cho một số lĩnh vực. Tất cả nỗ lực đã được thực hiện để hạn chế chi phí tăng thêm khi thực hiện Chính sách mới này. Những chi phí này sẽ được xem xét kỹ lưỡng khi Chính sách có hiệu lực và theo đó việc phân bổ ngân sách sẽ được điều chỉnh.

167. Như sẽ được thảo luận chi tiết hơn dưới đây, ADB sẽ phân bổ các nguồn lực cần thiết theo giai đoạn. Tổng cộng, sẽ cần 1 vị trí cán bộ chuyên môn, 10 vị trí cán bộ quốc gia, và các cán bộ ngắn hạn tương đương 5,2 năm cán bộ chuyên môn và 1,5 năm cán bộ hỗ trợ.³² Việc thực hiện Chính sách cũng sẽ đòi hỏi chi phí một lần xấp xỉ 203.000 USD và chi phí thường xuyên xấp xỉ 208.000 USD một năm.

A. Quan hệ đối ngoại

168. Sau khi Chính sách được phê duyệt, 8 vị trí cán bộ quốc gia sẽ được phân bổ cho các cơ quan đại diện thường trú chính mà hiện năng lực quan hệ đối ngoại còn hạn chế: Bangladesh, Kazakhstan,³³ Cộng hòa Kyrgyz, Pakistan, Sri Lanka, Thái Lan, Uzbekistan, và Việt Nam (đoạn 146).³⁴ Trong trung hạn, ADB sẽ sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về nhu cầu và cơ hội quan hệ đối ngoại cho những cơ quan đại diện thường trú còn lại và theo đó sẽ bổ nhiệm thêm vị trí này. ADB cũng sẽ đánh giá nhu cầu bổ nhiệm thêm các vị trí cán bộ chuyên môn với trách nhiệm khu vực tại các cơ quan đại diện thường trú phù hợp.

169. Trên cơ sở sắp xếp cơ cấu tổ chức mới cho quan hệ đối ngoại, ADB sẽ đánh giá yêu cầu về nguồn nhân lực để thực hiện chiến lược quan hệ đối ngoại của Chính sách, xác định phạm vi cải thiện và sắp xếp lại kỹ năng trong OER và văn phòng đại diện và phân bổ lại nguồn lực trong phạm vi ngân sách đã được phê duyệt, nếu cần. Chi phí một lần cho điều tra nhận thức và các chi phí thường xuyên khác như đi lại của các đoàn, đào tạo và các hoạt động quảng bá qua các phương tiện thông tin đại chúng về quan hệ đối ngoại cũng được đánh giá và nguồn vốn phù hợp cho những hoạt động này cũng được tìm kiếm thông qua quá trình xây dựng ngân sách hàng năm.

170. OER sẽ đánh giá lại khả năng nâng cấp các trung tâm thông tin công khai tại các cơ quan đại diện thường trú và các văn phòng quốc gia khác để phục vụ các nước thành viên đang phát triển và dự toán chi phí phù hợp sẽ được trình riêng lên Ban Giám đốc.

B. Công bố thông tin

171. Việc thành lập Tổ thông tin và công bố công khai mới (InfoUnit) trong OER chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện, theo dõi và đánh giá các yêu cầu công bố thông tin của Chính sách sẽ đòi hỏi phải có thêm một vị trí cán bộ chuyên môn và một vị trí cán bộ quốc gia. Ngoài ra, một cán bộ quốc gia mới sẽ được bổ nhiệm cho nhóm trang tin điện tử để điều phối cùng với InfoUnit, các vụ chức năng và các văn phòng khác để đưa nhiều hơn nữa các tài liệu của ADB lên trang tin điện tử. Trong năm đầu, OER sẽ cần ngân sách đào tạo là khoảng 133.000 USD và mỗi năm sau đó là 20.000 USD để theo dõi việc thực hiện Chính sách.

³² Một cán bộ chuyên môn và 6 vị trí cán bộ quốc gia đã được đưa vào ngân sách 2005 của ADB.

³³ Cán bộ quan hệ đối ngoại sẽ bao quát nhiệm vụ truyền thông ở Kazakhstan và về hợp tác kinh tế khu vực Trung Á.

³⁴ Xem chú thích số 30.

172. Cần dành thêm thời gian cho cán bộ chức năng công bố những tài liệu theo yêu cầu của Chính sách, truyền thông mang tính hệ thống hơn tới người bị ảnh hưởng, xử lý những thông tin phản hồi từ các bên hữu quan và thu xếp công việc dịch các Chiến lược và chương trình quốc gia và các bản cập nhật. Các vụ phụ trách khu vực sẽ cần khoảng 5,2 năm cán bộ chuyên môn (960.000 USD) và 1.5 năm cán bộ hỗ trợ (32.500 USD) và chi phí đi lại liên quan là 60.000 USD mỗi năm. Các vụ phụ trách khu vực sẽ cần 70.000 USD chi phí một lần để biên soạn các tài liệu thông tin dự án và 128.000 USD hàng năm chi phí dịch thuật. Trong vòng 6 tháng sau khi Chính sách có hiệu lực, OER sẽ xây dựng một khuôn khổ để mở rộng phạm vi các tài liệu dịch một cách hệ thống của ADB. Khuôn khổ dịch thuật này sẽ bao gồm một ngân sách toàn diện hơn cho công việc dịch thuật hàng năm.

173. Số lượng các yêu cầu cung cấp thông tin lịch sử dự kiến tăng lên do kết quả của việc áp dụng Chính sách mới sẽ được giải quyết bằng các hệ thống quản lý thư viện, hồ sơ và lưu trữ được củng cố và có hiệu quả hơn.

174. Trong khuôn khổ các hệ thống thông tin và chiến lược công nghệ II (2004-2009), các hệ thống máy tính của ADB sẽ được cấu hình lại và củng cố để bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời và phù hợp. Các hệ thống lưu trữ và tìm kiếm thông tin mới hiện đang được xây dựng và hoạch định trong chiến lược này cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập và tiếp cận thông tin hoạt động một cách dễ dàng và nhanh hơn. Dự kiến rằng bằng việc công bố công khai nhiều thông tin liên quan tới hoạt động trên trang tin điện tử của ADB hơn và việc tổ chức những thông tin đó để giúp người sử dụng dễ dàng tiếp cận hơn thì thời gian mà cán bộ hiện phải dành ra để trả lời những đề nghị cung cấp thông tin sẽ giảm đi.

175. Đối với vốn vay và hỗ trợ kỹ thuật, chi phí thực hiện các kế hoạch truyền thông và xây dựng các cơ chế truyền thông với người bị ảnh hưởng (xem đoạn 74-76) sẽ khác nhau tùy theo loại dự án, vị trí địa lý và sẽ được xác định và đưa vào giai đoạn thiết kế của mỗi chương trình hoặc dự án.

VIII. ĐÁNH GIÁ TÍNH TUÂN THỦ

176. Theo cơ chế giải trình trách nhiệm của ADB, việc đánh giá tính tuân thủ sẽ được áp dụng đối với các yêu cầu công bố thông tin của Chính sách.³⁵ Chính sách quy định trong các đoạn 28-38, các yêu cầu công bố thông tin quy định trong các đoạn 55-130, và việc tổ chức thực hiện quy định trong các đoạn 153-166 sẽ được đánh giá về tính tuân thủ theo cơ chế giải trình trách nhiệm của ADB.

IX. KIẾN NGHỊ

177. Chủ tịch kiến nghị Ban Giám đốc phê duyệt chính sách truyền thông này.

³⁵ ADB. 2003. *Đánh giá chức năng thanh tra: Xây dựng một cơ chế giải trình trách nhiệm mới của ADB*. 8 tháng 5, R79-03.

PHỤ LỤC 1

CÁC XU HƯỚNG TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI CÁC NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN ĐA PHƯƠNG KHÁC

A. Quan hệ đối ngoại tại các ngân hàng phát triển đa phương khác

1. Trong những năm gần đây, các ngân hàng phát triển đa phương khác (MDBs) đã tăng cường công tác quảng bá chủ động với sự hỗ trợ bằng các cam kết của ban quản lý, nguồn nhân lực và nguồn lực tài chính lớn hơn cho truyền thông đại chúng và quan hệ đối ngoại. Các MDB có trụ sở tại Washington đã có những bước đi quan trọng trong việc đáp ứng một cách trực tiếp nhu cầu thông tin ngày càng tăng về các tổ chức phát triển, sự chỉ trích của các tổ chức phi chính phủ (NGO) về các hoạt động của các tổ chức tài chính quốc tế và sự cạnh tranh ngày càng tăng đối với nguồn vốn ưu đãi từ các nước tài trợ.

2. Ngân hàng thế giới (WB) có 250 cán bộ chuyên môn tham gia vào quan hệ đối ngoại. Các văn phòng quốc gia của WB hoạt động rất tích cực trong lĩnh vực này, đặc biệt là ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương. Ngân hàng phát triển liên châu Mỹ (IDB), có lẽ là hình mẫu so sánh gần nhất của ADB, cũng có nguồn lực tăng lên cho quan hệ đối ngoại và hiện có khoảng 45 cán bộ chuyên môn được hỗ trợ bởi một nguồn tư vấn lớn. Để đáp ứng yêu cầu báo cáo lớn, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã tăng số cán bộ tham gia hoạt động quan hệ đối ngoại từ 70 năm 2000 lên 90 vào cuối năm 2004. WB, IMF và IDB đều có các văn phòng tại châu Âu và châu Á tham gia một cách tích cực vào quan hệ công chúng và truyền thông đại chúng. Do đó, ngày nay các tổ chức này càng được biết đến nhiều hơn so với hai thập kỷ trước đây.

B. Công bố thông tin tại các ngân hàng phát triển đa phương khác

3. Về vấn đề công bố thông tin, việc tiếp cận công khai thông tin trong các ngân hàng phát triển đa phương khác (MDBs) hiện đang là vấn đề thời sự do ảnh hưởng của MDB được nhận thức tại các nước đang phát triển. *Báo cáo phát triển con người 2002* của Chương trình phát triển liên hợp quốc (UNDP) đã khẳng định rằng “có sự cách biệt nghiêm trọng về tính minh bạch” trong các tổ chức tài chính quốc tế, lưu ý việc thiếu các biên bản hoặc hồ sơ bỏ phiếu của các ban Giám đốc điều hành của WB và IMF. *Báo cáo phát triển con người* đưa ra kết luận rằng do vậy, “công dân các nước thành viên (hoặc những người bên ngoài có quan tâm) không thể buộc các giám đốc điều hành hoặc chính phủ của họ chịu trách nhiệm đối với các chính sách của mình tại IMF hoặc WB”.¹

4. Những chính sách về thông tin và công bố thông tin chính thức đầu tiên của MDB - được xây dựng từ đầu những năm 90- đã khuyến khích việc công bố công khai chi tiết hơn về các chính sách, chương trình và dự án. Tuy nhiên, vẫn còn có những hạn chế đáng kể trong việc công bố thông tin. Hơn nữa, những chính sách đó không bảo đảm rằng những người sống trong các vùng dự án sẽ được cung cấp thông tin về những hoạt động dự kiến để họ có thể đóng góp một cách thiết thực cho việc thiết kế và thực hiện dự án. Do vậy, ngay sau khi áp dụng, công chúng đã yêu cầu phải xem xét lại các chính sách công bố thông tin của MDB. Những yêu cầu này đã tăng lên trong những năm gần đây và được một số chính phủ nhắc lại.

5. Chính vì vậy, tất cả các MDB đã xem xét lại và mở rộng các chính sách công bố thông tin của mình hoặc đang tích cực làm việc đó. Những chính sách mới này có nhiều đặc điểm chung. Tất cả các chính sách mới này, đã được thông qua hoặc đang đề xuất, đều chủ động hơn trong việc cung cấp các thông tin về hoạt động và những thông tin khác. Chúng

¹ UNDP. *Báo cáo phát triển con người 2002: Làm sâu sắc thêm tính dân chủ trong một thế giới bị chia cắt* New York: 115. Có trên: <http://www.undp.org/hdr2002/chapterfive.pdf>

mở rộng phạm vi và loại hình thông tin được công bố công khai và thường nêu bật công cụ quan trọng để phổ biến thông tin là các trang tin điện tử chính thức. Chúng cũng có chung một số hạn chế đối với việc công bố công khai một số loại thông tin, gồm cả những thông tin dành riêng như tư vấn pháp lý, thông tin do một bên khác cung cấp, thông tin mật về công tác và những thông tin mà sẽ có ảnh hưởng tiêu cực tới quan hệ giữa một MDB và chính phủ các nước thành viên.

6. Những đặc điểm chính của các chính sách của mỗi MDB sẽ được nêu dưới đây.

1. Ngân hàng Phát triển châu Phi (AfDB)

7. Ngân hàng Phát triển Châu Phi (AfDB) phê duyệt chính sách công bố thông tin vào tháng 12 năm 1997. AfDB bắt đầu đánh giá lại chính sách này năm 2003 và đến tháng 4 năm 2004 thông qua một chính sách mới với tính minh bạch lớn hơn.

8. Ví dụ chính sách 2004 quy định rằng các văn bản chính sách dự thảo và văn bản chiến lược quốc gia dự thảo sẽ được công bố ít nhất 50 ngày trước khi Ban Giám đốc thảo luận những văn bản đó để thúc đẩy quá trình tham vấn và sự tham gia của các bên hữu quan. Những đánh giá kết quả hoạt động quốc gia cũng như tài liệu tóm tắt về bất kỳ sự thay đổi lớn nào đối với một dự án sau khi Ban Giám đốc phê duyệt dự án là được công bố.

9. Chính sách mới này cũng quy định việc công bố những biên bản tóm tắt các cuộc họp hàng năm và trao cho các giám đốc quốc gia và các vụ phụ trách ngành quyền cung cấp thông tin mang tính kỹ thuật về một dự án theo yêu cầu của một bên quan tâm.

10. Khi phê duyệt *chính sách công bố thông tin* sửa đổi, Ban Giám đốc đã chỉ thị rằng chính sách này phải thường xuyên được cập nhật để đưa thêm những thông lệ tốt nhất của các tổ chức khác vào. Đặc biệt, Ban Giám đốc đã nhấn mạnh sự cần thiết phải theo dõi những diễn biến tại các tổ chức tương tự về việc công bố các biên bản của Ban Giám đốc.

2. Ngân hàng tái thiết và phát triển châu Âu

11. Ngân hàng tái thiết và phát triển châu Âu (EBRD) phê duyệt *chính sách thông tin công khai* vào tháng 6 năm 2000. Một năm sau đó, EBRD đã tiến hành đánh giá sơ bộ việc thực hiện chính sách và trên cơ sở đó Ban Giám đốc đã đề nghị tiến hành đánh giá toàn diện. Việc đánh giá này đã đưa đến việc thông qua một chính sách sửa đổi vào ngày 29 tháng 4 năm 2003.

12. Thông tin tóm tắt về tất cả dự án (tài liệu tóm tắt dự án) được công bố công khai 30 ngày trước khi Ban Giám đốc xem xét các dự án của khu vực tư nhân và 60 ngày trước khi Ban Giám đốc xem xét các dự án của khu vực công và cập nhật lên trang tin điện tử sau khi Ban Giám đốc phê duyệt. Những đánh giá của Ban Giám đốc về khu vực tư nhân cũng được đưa lên trang tin điện tử.

13. Theo chính sách mới này, công chúng sẽ được mời đưa ra ý kiến đóng góp của mình trong quá trình xây dựng chiến lược quốc gia và thời hạn để làm việc này ít nhất là 8 tuần. Một bản phụ lục tóm tắt các ý kiến bình luận và những phúc đáp của nhóm công tác quốc gia đối với những bình luận đó sẽ được gửi tới Ban điều hành cũng như Giám đốc điều hành trước khi xem xét tại hội thảo về chiến lược quốc gia đó. Phụ lục sẽ được đưa lên trang tin điện tử của EBRD sau khi Ban Giám đốc phê duyệt chiến lược quốc gia. Chính sách này cũng quy định rằng dự thảo các chính sách ngành cũng sẽ được đưa lên trang tin điện tử của ngân hàng để công chúng đưa ra ý kiến bình luận trong vòng ít nhất là 45 ngày sau cuộc thảo luận trừ bị của các giám đốc điều hành.

14. Chính sách 2003 cũng yêu cầu phải dịch các chiến lược quốc gia sẽ được phê duyệt trong tương lai, trên cơ sở thử nghiệm, sang tiếng địa phương. Ngoài ra, chính sách cũng nêu rõ rằng ngân hàng cũng sẽ dịch các chính sách lớn của mình (về công bố thông tin, thanh tra và môi trường).

15. EBRD là MDB duy nhất đưa báo cáo hàng năm về thực hiện chính sách công bố thông tin lên trang tin điện tử của mình.

3. Ngân hàng đầu tư châu Âu

16. Tháng 10 năm 2002, Ngân hàng đầu tư châu Âu (EIB) ban hành một Tuyên bố về Chính sách thông tin ngắn gọn, kèm theo một cuốn sách nhỏ mô tả những thông tin chính được công bố (*EIB thông tin như thế nào- tổng quan*), và *Các quy định về việc công chúng tiếp cận tài liệu* chủ yếu bao gồm lời nói đầu, xác định phạm vi và thuật ngữ, và những trường hợp ngoại lệ đối với công bố thông tin.

17. Mặc dù EIB không thông qua điều khoản “quy định phải công bố thông tin nếu không đảm bảo các điều kiện về bảo mật”, nhưng Các quy định này nêu rõ rằng EIB “cam kết áp dụng một chính sách thông tin tích cực và tiếp tục tăng cường nỗ lực của mình để cung cấp cho công chúng những thông tin về chiến lược, chính sách, hoạt động và thông lệ của mình”. Các quy định này cũng nêu rõ rằng EIB “cũng sẽ, khi và ở mức độ thích hợp, tiếp tục công bố những thông tin cơ bản về các hoạt động riêng của mình đã ký kết với các bên đồng hợp đồng”. *Tuyên bố về Chính sách thông tin* này bổ sung thêm rằng với tư cách là một tổ chức tài chính của Liên minh châu Âu (EU), EIB đặt chính sách thông tin của mình trên cơ sở nền tảng của “các chính sách của EU về tính minh bạch và công bố công khai thông tin và các quy định khác”.

18. *Tuyên bố về Chính sách thông tin* chỉ ra rằng các tài liệu pháp lý đều được in bằng tất cả các ngôn ngữ chính thức của EU trong khi việc công bố các ấn phẩm bằng các ngôn ngữ của EU và/hoặc ngôn ngữ phi EU sẽ do các mục tiêu hoạt động của ngân hàng quyết định. Trang tin điện tử có bằng tiếng Anh, Pháp và Đức.

19. Về các tài liệu lịch sử, Quy định này nêu rõ rằng tính bảo mật của các tài liệu sẽ chấm dứt sau 30 năm.

20. *Tuyên bố về Chính sách thông tin* thừa nhận một cách rõ ràng rằng công chúng có thể khiếu nại về việc công bố thông tin với Thanh tra châu Âu theo Hiệp ước về Liên minh châu Âu.

21. Tháng 6 năm 2004, Ban Giám đốc EIB đã phê duyệt một số thay đổi cụ thể đối với các thông lệ công bố thông tin của tổ chức này mà không điều chỉnh chính thức *Tuyên bố về Chính sách thông tin*. Ví dụ, bộ luật về đạo đức áp dụng đối với những vị trí nhạy cảm hiện đã được công bố công khai, tương tự như vậy đối với lương của Ban Giám đốc và Ủy ban kiểm toán và một báo cáo mới về trách nhiệm công ty.

4. Ngân hàng phát triển liên châu Mỹ

22. Tháng 10 năm 1994, IDB đã phê duyệt chính sách công bố thông tin đầu tiên và tháng 11 năm 1994 đã đưa chính sách này vào Sổ tay hướng dẫn hoạt động của IDB (OP-102). Chính sách này được sửa đổi vào tháng 2 năm 1998 và tháng 4 năm 2001 để phản ánh những tài liệu bổ sung thêm vào danh mục tài liệu công bố công khai. Vào năm 2002, IDB đã tiến hành đánh giá chính sách này và kết quả là tháng 11 năm 2003 một tài liệu sửa đổi và cập nhật đã ra đời.

23. Chính sách mới này đưa ra một cách tiếp cận hệ thống hơn và nhanh hơn tới lưu trữ của ngân hàng. Những thông tin lịch sử sẽ được công bố công khai sau 20 năm kể từ khi chúng được ban hành. Những thông tin lịch sử không được công bố công khai vào thời điểm ban hành nhưng sẽ được công bố công khai theo chính sách này thì sẽ được công bố công khai sau khi ban hành, khi dự án/chương trình đã kết thúc và khi chính phủ đã đồng ý.

24. Ngoài ra, chương trình làm việc hàng năm và 3 tháng của Ban Giám đốc hiện đã được công bố công khai. Những báo cáo của chủ tịch Ủy ban Hội đồng lên Ban Giám đốc về các buổi thảo luận của Ủy ban về chính sách hoạt động và chính sách ngành và chiến lược ngành, chiến lược quốc gia của IDB, tài liệu về các nước nghèo nhiều nợ, tài liệu về chiến lược giảm nghèo và tài liệu chiến lược giảm nghèo tạm thời cũng được công bố công khai. Chính sách này đã khiến IDB là MDB đầu tiên cam kết công bố biên bản các cuộc họp của Ban Giám đốc (trong vòng 60 ngày sau khi phê duyệt).

25. Mặc dù không đưa vào chính sách của mình, nhưng nói chung IDB đều in những tài liệu trình lên Ban Giám đốc bằng cả tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha. Tài liệu trình lên ban Giám đốc thống đốc phải in bằng cả 4 ngôn ngữ chính thức của IDB, tiếng Anh, Pháp, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha.

5. Tập đoàn Ngân hàng thế giới

a. Công ty tài chính quốc tế

26. Công ty tài chính quốc tế (IFC) thông qua chính sách công bố thông tin đầu tiên của mình vào tháng 7 năm 1994. Một chính sách sửa đổi có hiệu lực vào tháng 1 năm 1996 và Ban Giám đốc đã phê duyệt việc làm rõ hơn và một số sửa đổi trong chính sách công bố sửa đổi này vào tháng 7 năm 1998. Giống như chính sách của các tổ chức tài chính quốc tế khác, chính sách này dựa trên nền tảng “quy định phải công bố thông tin nếu không đảm bảo các điều kiện về bảo mật” và chứa đựng những nội dung tương tự,”

27. Thông tin tóm tắt dự án khu vực tư nhân (tài liệu thông tin tóm tắt dự án) được công bố công khai ít nhất 30 ngày trước khi Ban Giám đốc xem xét và cập nhật trên trang tin điện tử cho đến khi có sự phê duyệt của Ban Giám đốc. Thông tin về tác động tới môi trường và xã hội của dự án được công bố công khai tối thiểu là 30 ngày hoặc 60 ngày trước khi Ban Giám đốc phê duyệt tùy theo loại hình rủi ro môi trường và xã hội của dự án.

28. IFC công bố nhiều tài liệu đánh giá về hoạt động của mình trong khu vực tư nhân, bao gồm cả những bài học rút ra từ đầu tư trước đây của IFC (nhóm theo ngành, chủ đề và quốc gia). IFC cũng công bố công khai những nghiên cứu đánh giá đặc biệt, tóm tắt các nghiên cứu đặc biệt và tổng kết hàng năm.

29. Trong năm 2004, IFC đã bắt đầu đánh giá lại chính sách công bố thông tin của mình và sau một vòng tham vấn qua trang tin điện tử và điều tra khách hàng, hiện đang tổng hợp các ý kiến đóng góp cho báo cáo tham vấn được công bố công khai vào ngày 16 tháng 8 năm 2004 và một khung dự thảo chính sách sửa đổi được công bố công khai vào tháng 11 năm 2004.

30. Khung dự thảo chính sách này đề xuất rằng khách hàng của IFC sẽ công bố những tác động về mặt môi trường và xã hội cho những người bị ảnh hưởng càng sớm càng tốt và họ sẽ theo dõi và báo cáo về các kế hoạch hành động để giảm thiểu tác động xã hội và môi trường của dự án. IFC cũng sẽ công bố công khai những kế hoạch này thông qua các kênh công bố của mình. Dự thảo này cũng đưa ra đề xuất rằng IFC báo cáo công khai về tác động dự kiến đối với phát triển của dự án đề xuất và trên cơ sở đánh giá tổng hợp sau khi dự án kết thúc đưa ra báo cáo hàng năm về tác động đối với phát triển của các khoản đầu tư của IFC một cách hệ thống, toàn diện và mang tính so sánh.

31. Khung dự thảo chính sách này cũng đề xuất rằng biên bản các cuộc họp Ban Giám đốc cũng được công bố công khai sau khi lược bỏ những thông tin dư thừa như nhạy cảm đối với việc công bố công khai.

32. Dự kiến một chính sách mới sẽ được trình Ban Giám đốc IFC phê duyệt trong quý 3 năm 2005.

b. Cơ quan bảo lãnh đầu tư đa phương

33. Cơ quan bảo lãnh đầu tư đa phương (MIGA) duy trì một chính sách công bố thông tin mà theo đó ngoài các vấn đề khác ra đòi hỏi phải xuất bản các báo cáo hàng quý, cung cấp thông tin tóm tắt về các dự án được bảo lãnh, gồm cả những chi tiết như tên và quốc tịch của nhà đầu tư, nhận dạng nước chủ nhà, khối lượng đầu tư và khối lượng và phạm vi bảo lãnh.

34. Các hợp đồng bảo lãnh chuẩn của MIGA, được sử dụng làm cơ sở để soạn thảo hợp đồng cho một dự án cụ thể, được cung cấp cho những người nộp đơn xin bảo lãnh và công chúng nói chung. Đồng thời, các mức phí cơ bản của MIGA cũng được công bố để giúp những người nộp đơn tiềm năng ước tính mức phí cho một khoản đầu tư dự kiến.

35. MIGA đang theo dõi chặt chẽ việc đánh giá lại chính sách công bố thông tin của IFC và dự định sẽ bắt đầu đánh giá lại chính sách của mình sau khi IFC hoàn thành quá trình đánh giá của họ (năm 2005).

c. Ngân hàng thế giới

36. Ngân hàng thế giới (WB) tiếp tục tăng cường khả năng tiếp cận của công chúng tới thông tin về hoạt động của mình: WB đã tiến hành một chương trình thử nghiệm mở rộng phạm vi cung cấp tài liệu ở một số nước, xây dựng một lượng ngân sách lớn để tạo dựng các trung tâm thông tin công khai toàn cầu, thông qua một khuôn khổ hỗ trợ khối lượng dịch thuật ngày càng tăng và bắt đầu thảo luận việc thiết lập một cơ chế giải quyết khiếu nại của công chúng về vấn đề công bố thông tin.

37. WB trở thành MDB đầu tiên thông qua một chính sách về công bố thông tin vào tháng 8 năm 1993. Sau những lần đánh giá của cán bộ WB vào năm 1995 và 1997 và các năm sau đó, đã có thêm tài liệu được bổ sung vào danh mục những tài liệu có thể công bố công khai. Một đánh giá toàn diện tiến hành vào các năm 2000 và 2001 đã dẫn đến việc phê duyệt một chính sách công bố thông tin mở rộng vào tháng 9 năm 2001. Chính sách công bố thông tin của WB có hiệu lực vào năm 2002.

38. Ngoài các điều khoản khác, chính sách mới này quy định việc công bố những tài liệu liên quan tới các hoạt động cho vay điều chỉnh và nhận xét kết luận của chủ tọa các cuộc thảo luận của Ban Giám đốc về chiến lược hỗ trợ quốc gia và báo cáo chiến lược ngành. Chính sách mới này cũng đưa ra một cơ chế tiếp cận lưu trữ của WB một cách nhanh hơn và hệ thống hơn. Mặc dù không công bố trong chính sách của mình, nhưng WB vẫn công bố công khai tên các công ty trong danh sách đen.

39. WB yêu cầu công bố tới người bị ảnh hưởng những đánh giá về môi trường, kế hoạch và khung phát triển người bản địa và kế hoạch tái định cư dưới hình thức, cách thức và ngôn ngữ dễ hiểu đối với họ. Tài liệu thông tin về dự án, chuẩn bị cho tất cả các hoạt động cho vay, phải liệt kê các tài liệu kỹ thuật thực tế là nền tảng cho việc chuẩn bị dự án.

40. Khi phê duyệt chính sách này năm 2001, Ban Giám đốc của WB cũng đã thông qua những công việc tiếp theo phải làm để tìm ra các phương án tăng cường dịch tài liệu để bảo

đảm thông tin tới được những người bị ảnh hưởng, củng cố các trung tâm thông tin công khai và tăng cường sự tham gia có hiệu quả hơn của các chuyên gia truyền thông vào các thành phần phổ biến và tiếp cận của chính sách mới. Từ năm 2001, WB đã tăng số lượng và công suất của các trung tâm thông tin công khai của mình và tiến hành một chương trình thử nghiệm với các nước thành viên quan tâm nhằm tìm kiếm những phương thức cung cấp thêm thông tin về việc chuẩn bị và thực hiện các chiến lược hỗ trợ quốc gia, báo cáo chiến lược giảm nghèo và các dự án.

41. Tháng 7 năm 2003, Ban Giám đốc đã thông qua một chương trình củng cố các trung tâm thông tin công khai và đang lập ngân sách hàng triệu USD cho mục tiêu đó. Hiện WB đang đào tạo cán bộ thông tin công khai cho các văn phòng quốc gia để làm việc với tư cách là các chuyên gia tại chỗ về công bố thông tin, thúc đẩy việc đưa ra những tài liệu bằng các ngôn ngữ địa phương, tư vấn cho nhân viên về các vấn đề dịch thuật, nâng cao nhận thức về các hoạt động chức năng và tạo điều kiện thuận lợi xây dựng quan hệ đối tác phổ biến thông tin trong nội bộ tổ chức cũng như với bên ngoài.

42. Đồng thời vào tháng 7 năm 2003, WB đã thông qua một khuôn khổ dịch tài liệu. Trách nhiệm quyết định dịch là thuộc về những người chịu trách nhiệm về tài liệu đó (“nhà tài trợ công việc”). Tùy theo nhu cầu công việc, họ sẽ áp dụng cách tiếp cận ngôn ngữ sao cho họ có thể đến được với những đối tượng phù hợp một cách rộng rãi nhất.

43. Tổ trung tâm thông tin công khai của WB có trách nhiệm xây dựng một cơ chế nguồn lực cho người sử dụng bị từ chối tiếp cận thông tin. Tổ trung tâm thông tin công khai này có dự định sẽ nhóm họp các vụ của WB và NGO lại để khảo sát kỹ vấn đề này trong tương lai gần.

44. Năm 2004, đánh giá và tổng quan ngành khai khoáng đã xác định tầm quan trọng của việc báo cáo về những hợp đồng của chính phủ và thu nhập của chính phủ từ các dự án khai khoáng lớn để tăng cường công tác quản trị, giảm tham nhũng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng phù hợp nguồn thu nhập đó. Trên cơ sở tổng kết đánh giá này, Ban quản lý của WB đã đề nghị phải bảo đảm tính minh bạch trong thanh toán cho các chính phủ đối với các dự án lớn và công bố công khai những điều kiện phù hợp trong các thỏa thuận chính nếu công chúng quan tâm tới những hợp đồng đó.²

45. Ban quản lý và Ban Giám đốc của WB tiếp tục thảo luận để mở rộng khả năng công bố thông tin. Tháng 3 năm 2005, Ban Giám đốc điều hành đã phê duyệt một văn bản với nhan đề: *Chính sách công bố thông tin của Ngân hàng thế giới: Những vấn đề bổ sung, Báo cáo tổng hợp tiếp theo (Sửa đổi)*. Theo đó, 16 hạng mục công bố mới được phê duyệt, bao gồm công bố thường kỳ các chiến lược hỗ trợ quốc gia cho các nước IBRD; công bố (trên cơ sở thử nghiệm) dự thảo các chính sách hoạt động khi những dự thảo này được chuyển tới Ban Giám đốc để tổ chức một cuộc họp phi chính thức của Ban Giám đốc và công bố các biên bản của Ban Giám đốc, tài liệu ngân sách, tài liệu về lương và phụ cấp cho cán bộ và sổ tay cán bộ.

² World Bank. Ngày 17 tháng 9 năm. Tập đoàn Ngân hàng thế giới đáp lại tổng quan ngành khai khoáng, có trên:
http://www-wds.worldbank.org/servlet/WDS_IBank_Servlet?pcont=details&eid=000160016_20040921111523

PHỤ LỤC 2

KHUNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tóm tắt thiết kế	Chỉ số/chỉ tiêu	Cơ chế theo dõi	Đầu mối theo dõi
Tác động			
<ul style="list-style-type: none"> Tính hiệu quả của phát triển được cải thiện 	<i>Theo dõi bằng các báo cáo tiến độ chương trình cải cách</i>		
Kết quả			
<ul style="list-style-type: none"> Lòng tin của các bên hữu quan vào và khả năng tham gia với ADB được tăng cường một cách mạnh mẽ 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận thức của các bên hữu quan về ADB và đánh giá của họ về tính cởi mở, tính trách nhiệm và quan hệ đối tác được nâng cao 	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá toàn diện về Chính sách sau 5 năm Các cuộc điều tra đối với các nhà lãnh đạo dư luận (3 năm một lần) Các cuộc điều tra về khách hàng và quan hệ đối tác, những đánh giá khác về các bên hữu quan. 	<ul style="list-style-type: none"> OER OER SPD
Đầu ra			
1. Quan hệ đối ngoại chủ động của ADB	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng các phái đoàn tiếp cận các nước tài trợ của Ban quản lý tăng lên Hoạt động phỏng vấn và tiếp cận của Ban quản lý tại các cơ quan thông tin đại chúng tăng 5% hàng năm Sự xuất hiện thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng hàng đầu (nghĩa là ít nhất trên 6 Bài xã luận phát hành trên Tạp chí Phố Wall châu Á, Thời báo tài chính và Diễn đàn đưa tin quốc tế) 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông (dựa trên thông tin của Tổ truyền thông đại chúng) Theo dõi truyền thông đại chúng 	<ul style="list-style-type: none"> OER
2. Khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động của ADB được cải thiện	<ul style="list-style-type: none"> Hàng năm số lượng các kế hoạch truyền thông cho CSP, RCSP và các dự án do các vụ chức năng xây dựng tăng lên. Bắt đầu từ năm thứ 2, hàng năm số lượng khiếu nại về việc thực hiện chưa đúng các yêu cầu công bố thông tin của Chính sách sẽ giảm 10%. PID được xây dựng cho 50% số dự án vào cuối năm 1 và 100% vào cuối năm 2 	<ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ của InfoUnit và báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông Hồ sơ của PDAC và báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông Hồ sơ của InfoUnit và báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> OER OER OER
	<ul style="list-style-type: none"> Sự hài lòng của công chúng được cải thiện thể hiện qua thể góp ý nộp tại các cơ quan đại diện thường trú và văn phòng đại diện Phần trăm số đề nghị cung cấp thông tin được đáp ứng trong vòng 30 ngày. 100% tuân thủ các yêu cầu về công bố thông tin 	<ul style="list-style-type: none"> Điều tra bằng thẻ góp ý Hồ sơ của InfoUnit và báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông Chọn mẫu theo báo cáo hàng năm của InfoUnit và báo cáo hàng năm về Chính sách 	<ul style="list-style-type: none"> RMs, ROs và OER

Tóm tắt thiết kế	Chỉ số/chỉ tiêu	Cơ chế theo dõi	Đầu mối theo dõi
Hoạt động			
1.1 Chuẩn bị một kế hoạch hành động cho Chiến lược quan hệ đối ngoại của Chính sách	<ul style="list-style-type: none"> Trong vòng 3 tháng sau khi Chính sách được phê duyệt 	<ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch hành động và báo cáo tiến độ của nó 	<ul style="list-style-type: none"> OER
1.2 Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và bắt đầu bố trí lại các kỹ năng để hỗ trợ những định hướng mới mang tính chiến lược về quan hệ đối ngoại	<ul style="list-style-type: none"> Trong vòng 3 tháng sau khi Chính sách được phê duyệt 	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt của Ban Điều hành về cơ cấu sắp xếp đã điều chỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> BPMSD, OER
1.3 Cập nhật những hướng dẫn về thông tin đại chúng	<ul style="list-style-type: none"> Phát đến tay cán bộ trong vòng 4 tháng sau khi Chính sách được phê duyệt 	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành hướng dẫn 	<ul style="list-style-type: none"> OER
2.1 Thành lập và đưa vào hoạt động InfoUnit	<ul style="list-style-type: none"> Trong vòng 3 tháng sau khi Chính sách được phê duyệt 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> OER
2.2 Thành lập PDAC	<ul style="list-style-type: none"> Vào ngày Chính sách có hiệu lực 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> OER
2.3 Chuẩn bị và phổ biến sổ tay hướng dẫn về Chính sách cho cán bộ	<ul style="list-style-type: none"> Phát đến tay cán bộ vào ngày Chính sách có hiệu lực 	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành sổ tay 	<ul style="list-style-type: none"> OER
2.4 Chuẩn bị và phổ biến sổ tay hướng dẫn về Chính sách cho bên vay và nhà tài trợ	<ul style="list-style-type: none"> Trong vòng 6 tháng sau ngày Chính sách có hiệu lực 	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành sổ tay 	<ul style="list-style-type: none"> OER
2.5 Tiến hành đào tạo về các yêu cầu công bố thông tin	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả những người đứng đầu các đoàn công tác và các cán bộ phân tích dự án trong vòng 1 năm sau ngày Chính sách có hiệu lực 	<ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ theo dõi của InfoUnit Báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> OER
2.6 Đánh giá lại chương trình thư viện lưu trữ và xây dựng chiến lược nâng cấp các trung tâm thông tin công khai ở các nước thành viên	<ul style="list-style-type: none"> Trong vòng 1 năm sau ngày Chính sách có hiệu lực 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo đánh giá Báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> OER
2.7 Mở rộng và/hoặc nâng cấp các trung tâm thông tin công khai ở các nước thành viên trên cơ sở đánh giá trên	<ul style="list-style-type: none"> Trong vòng 2 năm sau ngày Chính sách có hiệu lực 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo hàng năm về chính sách truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> OER

ADB = Ngân hàng Phát triển Châu Á, BPMSD = Vụ Ngân sách, Nhân sự và Hệ thống quản lý, CSP = chiến lược và chương trình quốc gia, OER = Văn phòng Quan hệ đối ngoại, Op-eds = Bài xã luận, PID = Tài liệu thông tin dự án/chương trình, PDAC = Ban tư vấn công bố công khai, RCSP = chương trình và chiến lược hợp tác khu vực, RM = cơ quan đại diện thường trú, RO = văn phòng đại diện, SPD = Vụ Chiến lược và Chính sách